

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ QUANG THUẬN
(1953-2015)**

FOR SALE BY
KAYAK TRADING
(198-2018)

**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ QUANG THUẬN
HUYỆN BẠCH THÔNG - TỈNH BẮC KẠN**

**LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ QUANG THUẬN
(1953-2015)**

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG LỊCH SỬ - TÀI LIỆU KINH

LỊCH SỬ ĐẢNG BỘ
XÃ QUẢNG THIỆN
(1923-1945)

INHA XUẤT BẢN LẦN ĐẦU

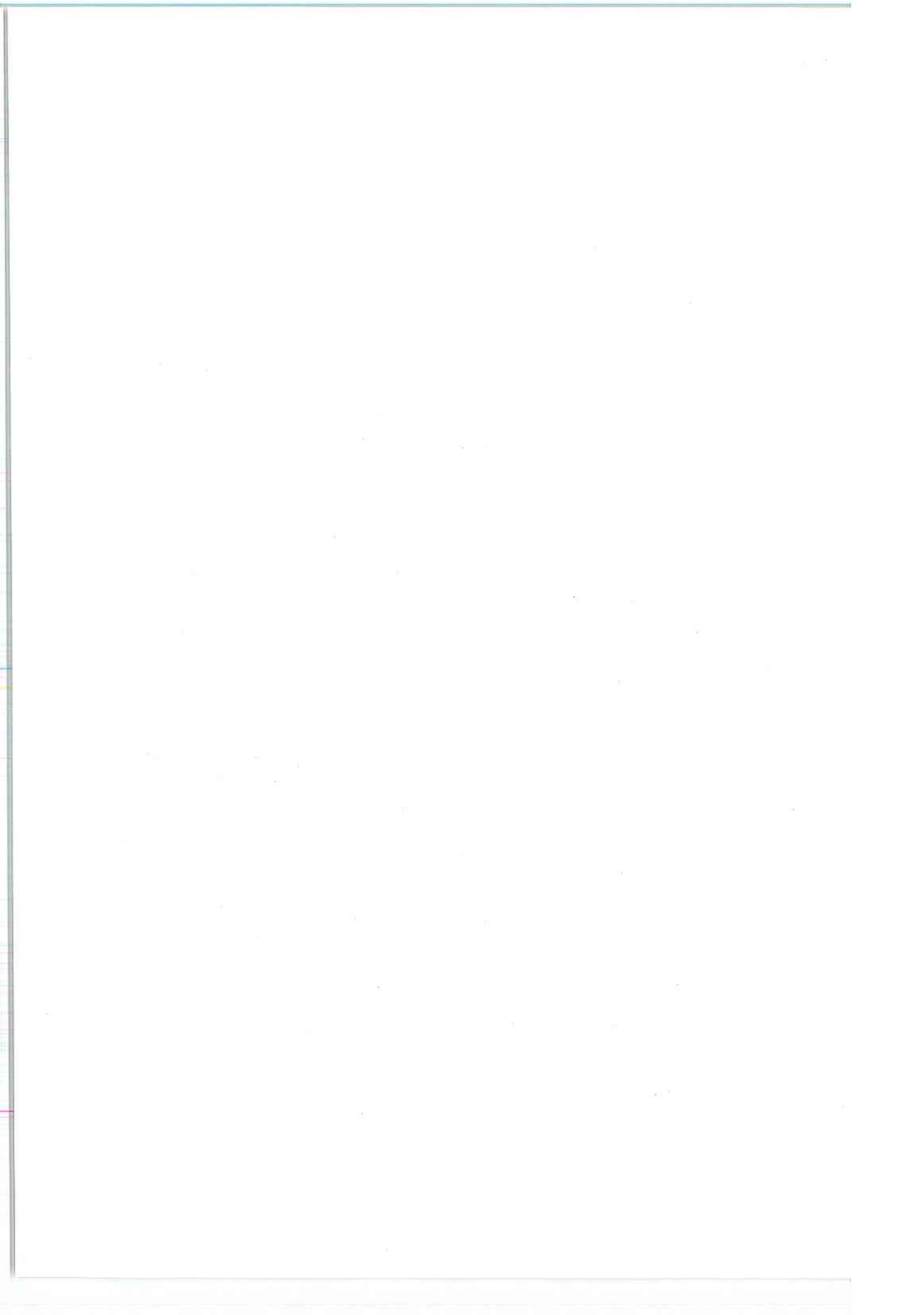


CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH
(1890-1969)
NGƯỜI SÁNG LẬP VÀ RÈN LUYỆN ĐẢNG TA





Bản đồ hành chính xã Quang Thuận



BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Lưu Đình Thăng	Bí thư Đảng ủy	Trưởng ban
Lâm Ngọc Quyến	Phó Bí thư TT ĐU	Phó ban
Hà Thiêm Doanh	Chủ tịch UBND xã	Phó ban

BAN SỬU TÂM TƯ LIỆU

Lưu Đình Thăng	Bí thư Đảng ủy	Trưởng ban
Lâm Ngọc Quyến	Phó Bí thư TT ĐU	Phó ban
Hà Thiêm Doanh	Chủ tịch UBND xã	Phó ban
Hà Minh Khoa	Phó Chủ tịch HĐND	Ủy viên
Nông Văn Bình	Phó Chủ tịch UBND	Ủy viên
Cao Xuân Lãng	Chủ tịch Hội Nông dân	Ủy viên
Nông Văn Duyệt	Công chức VH-XH	Ủy viên
Hà Hữu Hợp	Chủ tịch UB MTTQ	Ủy viên
Nông Văn Hùng	Công chức VH-TT	Ủy viên
Hà Thị Thanh Tâm	Công chức Kế toán - TC	Ủy viên
Lưu Kế Lương	Trưởng Công an xã	Ủy viên

BAN NGHIÊN CỨU - BIÊN SOẠN

Thạc sĩ: **Đoàn Văn Trường**

Thạc sĩ: **Phạm Thành Khánh**

Cử nhân: **Nguyễn Thanh Tùng**

Cố vấn khoa học: **PGS.TS Phạm Xuân Mỹ**

ĐƠN VỊ MÃ SỐ QUÂN QUẢN LÝ

Trưởng ban	Đã ban	Đã ban	Đã ban
Đã ban	Đã ban	Đã ban	Đã ban
Đã ban	Đã ban	Đã ban	Đã ban

ĐƠN VỊ MÃ SỐ QUÂN QUẢN LÝ

Trưởng ban	Đã ban	Đã ban	Đã ban
Đã ban	Đã ban	Đã ban	Đã ban
Đã ban	Đã ban	Đã ban	Đã ban
Ủy viên	Đã ban	Đã ban	Đã ban
Ủy viên	Đã ban	Đã ban	Đã ban
Ủy viên	Đã ban	Đã ban	Đã ban
Ủy viên	Đã ban	Đã ban	Đã ban
Ủy viên	Đã ban	Đã ban	Đã ban
Ủy viên	Đã ban	Đã ban	Đã ban
Ủy viên	Đã ban	Đã ban	Đã ban
Ủy viên	Đã ban	Đã ban	Đã ban

ĐƠN VỊ MÃ SỐ QUÂN QUẢN LÝ

Thạc sĩ Đoàn Văn Trường
 Thạc sĩ Phạm Thành Khánh
 Cử nhân Nguyễn Thanh Long
 Cử nhân khoa học PGS.TS Phạm Xuân Mỹ

BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN



Lưu Đình Thăng
Bí thư Đảng ủy
Trưởng ban



Lâm Ngọc Quyên
Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy
Phó ban



Hà Thiêm Doanh
Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã
Phó ban



Các đại biểu tham dự Hội thảo Lịch sử Đảng bộ xã Quang Thuận (1930-2015)



Di tích Lịch sử Cách mạng mộ đồng chí Bàn Văn Hoan
Nguyễn Phó Chủ nhiệm Việt Minh khu Quang Trung

LỜI GIỚI THIỆU

Quang Thuận là xã vùng cao của huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Lịch sử hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước đã hun đúc cho con người nơi đây truyền thống yêu nước, anh dũng bất khuất trong đấu tranh cách mạng, sáng tạo trong lao động sản xuất, kiên cường bền bỉ trong phòng chống và khắc phục thiên tai, hiền hòa trong cuộc sống hàng ngày.

Ngày 03-02-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, lãnh đạo sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Quang Thuận cùng với cả nước đã làm nên cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945 vĩ đại, chấm dứt ách đô hộ của chế độ thực dân phong kiến, giành lại quyền độc lập, tự do cho dân tộc, khai sinh ra Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong 9 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954), nhân dân, du kích và cán bộ nơi đây kiên cường bám trụ giữ đất, anh dũng chống lại các cuộc càn quét của địch, góp phần giải phóng quê hương và cùng toàn dân tộc làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ ngày 07-5-1954. Trong thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội

chủ nghĩa (1954-1979), cán bộ, đảng viên và nhân dân Quang Thuận ra sức sản xuất, xây dựng hậu phương vững chắc, sẵn sàng chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, tích cực chi viện cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Đất nước hòa bình, cán bộ, đảng viên và nhân dân Quang Thuận tiếp tục phát huy những truyền thống quý báu, ra sức phát triển kinh tế, nhất là phát triển cây cam, quýt đặc sản nổi tiếng từ lâu đời tại địa phương. Bên cạnh phát triển kinh tế, công tác y tế, văn hóa - giáo dục, củng cố quốc phòng - an ninh, tăng cường phát huy vai trò của tổ chức Đảng và các đoàn thể luôn được Đảng bộ Quang Thuận quan tâm, chú trọng.

Để ghi lại những mốc son lịch sử của địa phương và thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28-8-2002 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Bạch Thông về tổ chức nghiên cứu, biên soạn Lịch sử Đảng bộ cấp cơ sở, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Quang Thuận, nhiệm kỳ 2015-2020 ra Nghị quyết về việc tổ chức sưu tầm, nghiên cứu, biên soạn và xuất bản cuốn sách **“Lịch sử Đảng bộ xã Quang Thuận (1953-2015)”**.

Nội dung cuốn sách tái hiện rõ nét về vùng đất, con người, quá trình đấu tranh cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Quang Thuận dưới sự lãnh đạo của Đảng qua các thời kì; đồng thời phản ánh công cuộc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn trong công cuộc đổi mới. Qua đó góp phần giáo dục, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã, đặc biệt là các thế hệ trẻ hiện nay tiếp tục phát huy truyền thống cách mạng, đoàn kết, xây dựng

quê hương Quang Thuận ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Cuốn sách được ra mắt bạn đọc là sự cố gắng, nỗ lực lớn của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Chỉ đạo, Ban Sưu tầm tư liệu, Ban Nghiên cứu - biên soạn, cũng như sự tham gia nhiệt tình cung cấp thông tin, tư liệu của các đồng chí cán bộ, đảng viên là nhân chứng hoạt động qua các thời kỳ và toàn thể nhân dân xã Quang Thuận. Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Quang Thuận trân trọng ghi nhận những đóng góp của các đồng chí và sự quan tâm, giúp đỡ của Ban Thường vụ Huyện ủy, Ban Tuyên giáo Huyện ủy, các cán bộ, đảng viên và nhân dân đã giúp chúng tôi hoàn thành công trình khoa học “**Lịch sử Đảng bộ xã Quang Thuận (1953-2015)**”.

Mặc dù Ban Biên soạn đã cố gắng tái hiện những sự kiện lịch sử của Đảng bộ xã Quang Thuận qua các thời kì một cách khách quan, khoa học, song do tài liệu thành văn lưu trữ không đầy đủ, nhân chứng người còn, người mất nên cuốn sách không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Vì vậy, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Quang Thuận rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu của các bạn đọc gần xa để khi có điều kiện tái bản, cuốn sách sẽ hoàn thiện hơn!

T/M. BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ

Bí thư

Lưu Đình Thăng

một người (Quang Trung) và một người (Nguyễn Huệ) cũng
 là những người anh hùng của dân tộc. Họ đã lãnh đạo nhân
 dân ta đánh thắng quân xâm lược phương Bắc, đem lại độc lập
 và tự do cho đất nước. Những người anh hùng này đã trở
 thành những biểu tượng cho lòng yêu nước và tinh thần bất
 khuất của dân tộc ta. Họ đã để lại những bài học quý
 báu cho chúng ta hôm nay. Chúng ta cần phải học tập và
 noi gương những người anh hùng này để xây dựng đất
 nước giàu mạnh và xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
 Những người anh hùng này đã sống và chiến đấu vì lợi ích
 của dân tộc và của nhân loại. Họ đã cống hiến cả cuộc đời
 mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất
 nước. Họ đã trở thành những người đi đầu trong phong trào
 đấu tranh của nhân dân ta. Họ đã để lại những di sản
 quý báu cho chúng ta hôm nay. Chúng ta cần phải trân trọng
 và bảo vệ những di sản này. Chúng ta cần phải học tập và
 noi gương những người anh hùng này để xây dựng đất
 nước giàu mạnh và xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.
 Những người anh hùng này đã sống và chiến đấu vì lợi ích
 của dân tộc và của nhân loại. Họ đã cống hiến cả cuộc đời
 mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất
 nước. Họ đã trở thành những người đi đầu trong phong trào
 đấu tranh của nhân dân ta. Họ đã để lại những di sản
 quý báu cho chúng ta hôm nay. Chúng ta cần phải trân trọng
 và bảo vệ những di sản này. Chúng ta cần phải học tập và
 noi gương những người anh hùng này để xây dựng đất
 nước giàu mạnh và xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh

Phong trào

Chương I

QUANG THUẬN - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

I. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Lịch sử hình thành vùng đất

Theo ghi chép của sử sách, vùng đất Quang Thuận nói riêng, huyện Bạch Thông nói chung có vai trò quan trọng trong tiến trình lịch sử của đất nước. Dưới thời Hùng Vương, vùng đất Quang Thuận thuộc bộ Vũ Định - một trong 15 bộ của nước Văn Lang. Đến thời Lý (1009-1225) thuộc châu Thượng Nguyên, sang thời Trần (1225-1400) thuộc huyện Vĩnh Thông, trấn Thái Nguyên. Đến thời vua Lê Thánh Tông (1460-1497) cho chia cả nước làm 1 phủ và 12 đạo thừa tuyên, địa bàn Quang Thuận thuộc châu Bạch Thông, phủ Thông Hóa, thừa tuyên Thái Nguyên¹. Sau cuộc cải cách hành chính (năm 1831) của vua Minh Mệnh, Quang Thuận thuộc châu Bạch Thông, phủ Thông Hóa, tỉnh Thái Nguyên.

1. Năm 1469, thừa tuyên Thái Nguyên đổi thành thừa tuyên Ninh Sóc. Năm 1483, thừa tuyên Ninh Sóc đổi thành xứ Thái Nguyên, đến năm 1533, đổi thành trấn Thái Nguyên.

Năm 1858, thực dân Pháp tiến hành xâm lược và đô hộ nước ta. Sau khi đánh chiếm và đặt bộ máy cai trị trên đất Thái Nguyên, chúng nhiều lần cho thay đổi địa giới hành chính. Ngày 11-4-1900, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định lấy phần đất thuộc phủ Thông Hóa thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm các châu Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa (sau đổi thành huyện Na Rì) và Cẩm Hóa (sau đổi thành huyện Ngân Sơn). Vùng đất Quang Thuận lúc này thuộc xã Dương Quang, tổng Nông Thượng¹, châu Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Để giữ bí mật và phù hợp với tình hình lãnh đạo phong trào, tháng 4-1945, xã Dương Quang được chia thành thành nhiều xã nhỏ, vùng Dương Phong và Quang Thuận ngày nay gọi là xã Quốc Thanh Thượng và Quốc Thanh Hạ. Sau Cách mạng Tháng Tám thành công, tháng 3-1946, Chính phủ cho sáp nhập hai xã Dương Quang và Đôn Phong thành xã Phong Quang (bao gồm địa phận các xã Đôn Phong, Dương Quang, Quang Thuận ngày nay). Ngày 01-8-1953, thực hiện Quyết định của Huyện ủy về việc điều chỉnh địa giới hành chính một số xã thuộc huyện Bạch Thông, xã Phong Quang giải thể thành bốn xã Thanh Phong, Minh Khai, Đình Phùng, Hồng Phong (địa bàn xã Quang Thuận ngày nay).

Cuối năm 1964, thực hiện Quyết định 150-NV ngày 12-5-1964 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ “Về việc sửa đổi tên một số xã của tỉnh Bắc Kạn”, xã Hồng Phong được đổi tên thành xã Quang Thuận. Ngày 21-4-1965, Ủy ban Thường

1. Tổng Nông Thượng gồm các xã: Nông Thượng, Đôn Phong, Hòa Mục, Xuất Hóa, Dương Quang, Huyền Tụng.

vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra Nghị quyết số 103-NQ/TVQH về việc thành lập tỉnh Bắc Thái trên cơ sở hợp nhất hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên, xã Quang Thuận lúc này thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Thái. Theo Nghị quyết của kỳ họp thứ 10 (Quốc hội khóa IX) ngày 06-11-1996 về việc chia tách và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh, ngày 01-01-1997, tỉnh Bắc Kạn được tái lập, xã Quang Thuận thuộc huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Địa giới hành chính xã ổn định từ đó đến nay.

2. Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

Xã Quang Thuận nằm phía tây nam huyện Bạch Thông, dọc trục tỉnh lộ 3B Bắc Kạn - Chợ Đồn, kéo dài từ Km5 đến Km14. Cách trung tâm tỉnh lỵ 10km. Phía tây giáp xã Dương Phong(huyện Bạch Thông); phía đông giáp phường Sông Cầu và xã Nông Thượng (thành phố Bắc Kạn); phía bắc giáp xã Đôn Phong (huyện Bạch Thông) và xã Dương Quang (thành phố Bắc Kạn); phía nam giáp xã Thanh Vân, Thanh Mai, Mai Lạp (huyện Chợ Mới).

Xã Quang Thuận có tổng diện tích là 3.249,29ha, chiếm 3/4 diện tích là đồi núi. Xã có nhiều dãy núi với độ cao trung bình, chạy dọc theo các đường giáp ranh, tạo thành đường ngăn cách tự nhiên giữa Quang Thuận với các xã lân cận. Ở khu vực phía bắc (giáp với xã Đôn Phong) chủ yếu là núi đất đá, đây là khu vực tập trung trồng rừng sản xuất, rừng phòng hộ của xã, trong đó có đỉnh Khau Nang cao 662m. Phía nam (giáp với xã Mai Lạp) có những dãy núi cao, vì thế, để di chuyển từ xã Quang Thuận đến Mai Lạp phải đi qua đèo Kéo Pjềng, đường đèo nhỏ hẹp vắt xuyên qua các dãy núi

đá cao chên vên. Nằm ở trung tâm xã có đỉnh Khau Nộc cao 625m.

Cùng với hệ thống đồi núi trùng điệp, hệ thống sông, suối ở Quang Thuận cũng tương đối dày đặc. Do đặc điểm địa hình rừng núi nên phần lớn các con sông, suối ở đây có lòng hẹp, độ dốc lớn, quanh co, nước chảy mạnh và siết, nhưng vẫn có những đoạn nước phẳng lặng, chảy hiền hòa. Trong đó nổi bật nhất là sông Cầu, sông bắt nguồn từ Chợ Đồn chảy vào thôn Nà Đình (xã Quang Thuận) rồi từ đây chảy qua các thôn Nà Chạp, Nà Thoi, Boóc Khún, Nà Kha, Nà Lặng, Nà Vài, Nà Lịu, Phiêng An và đổ ra thành phố Bắc Kạn. Con sông đã bồi đắp lên các cánh đồng phù sa màu mỡ như: cánh đồng Nà Vài (thôn Nà Vài) rộng 4,5ha, cánh đồng Nà Lặng (thôn Nà Lặng) rộng 5,07ha, cánh đồng Pù Đồn rộng khoảng 3ha và cánh đồng Nà Đình rộng 2,9ha. Dựa vào lợi thế tự nhiên, từ xa xưa, cư dân Quang Thuận đã xây dựng hệ thống thủy lợi để canh tác trên những cánh đồng này.

Ngoài sông Cầu, trên địa bàn xã còn có những khe suối nhỏ chảy từ các dãy núi trong xã như suối Khuổi Các (thôn Boóc Khún), Khuổi Pjầu (thôn Khuổi Pjầu), Khuổi Bốc (thôn Nà Vài), Nà Hin (thôn Nà Hin, Nà Lịu). Hệ thống sông, suối ở Quang Thuận có nguồn lợi thủy sản khá phong phú như: Cá chày, cá mương, cá sinh, cá sứt môi... Bên cạnh những nguồn lợi, các dòng sông, suối cũng gây ra cho người dân Quang Thuận không ít khó khăn như: địa hình chia cắt, đi lại khó khăn, hàng năm vào mùa mưa, lượng nước dồn từ đầu nguồn về ồ ạt gây sạt lở, đe dọa đến đời sống của người dân các thôn Nà Lặng, Nà

Kha, Nà Vài đang sinh sống ven hai bờ sông. Đặc biệt con sông Cầu chảy xiết làm xói mòn những cánh đồng hai bên bờ sông. Cánh đồng Nà Thẳng (thôn Nà Thoi) trước đây rất màu mỡ, nhưng theo thời gian bị nước lũ sông Cầu làm xói lở, lớp đất mặt bị rửa trôi trôi sỏi đá, người dân không canh tác được, chính quyền xã phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất hay cánh đồng Nà Lặng, do sông Cầu nằm thấp nên không thuận tiện để làm thủy lợi, nhân dân chuyển từ trồng cây lúa sang trồng cây ăn quả, rau màu.

Đất đai của Quang Thuận được chia thành 2 loại chính: Đất đen pha đá, đất đỏ pha đá. Đất đen pha đá phân bố chủ yếu ở các thôn Nà Thoi, Boóc Khún, Nà Đình, Nà Chạp, đất có độ PH từ 5,2-5,5, đất toai xốp, nhiều mùn thích hợp trồng cây cam, quýt. Đất đỏ pha đá tập trung chủ yếu ở Nà Kha, Nà Lặng, Nà Vài, Nà Liu thích hợp trồng cây ổi, vải, nhãn. Các thôn Phiêng An 1, Phiêng An 2 nằm trên vùng đất đỏ, đất khô, hàm lượng chất dinh dưỡng trong đất thấp nên thích hợp trồng các cây lâu năm như ổi, chè, nhãn, vải....

Xã Quang Thuận mang đặc điểm của khí hậu nhiệt đới gió mùa miền núi phía Bắc với 2 mùa rõ rệt trong năm là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 10, còn mùa khô bắt đầu từ tháng 11 năm trước đến tháng 3 năm sau. Nhiệt độ trung bình năm của xã là 21,5°C, tháng nóng nhất là 37°C, tháng lạnh nhất có thể xuống đến 5°C. Tổng số giờ nắng trung bình năm là 1.483 giờ, số giờ nắng cao nhất tập trung vào các tháng 6, 7, 8 (trung bình khoảng 185 giờ/tháng), số giờ nắng thấp nhất là tháng 1,2 (trung bình khoảng 61 giờ/tháng). Lượng mưa trung bình

năm là 1.084mm, tập trung chủ yếu vào các tháng 5, 6, 7 (trung bình khoảng từ 186,2-242 mm/tháng), lượng mưa thấp nhất vào các tháng 11-12 khi tiết trời chuyển lạnh.

Năm 2015, xã Quang Thuận có 489 hộ với hơn 2.022 nhân khẩu. Thời điểm mới thành lập (1953) xã gồm 4 bản: Boóc Khún, Nà Lốc, Nà Liu và Khuổi Pjầu. Sau đó, từ bản Boóc Khún tách ra thành các bản: Boóc Khún, Nà Đính, Nà Chạp Nà Thoi. Bản Nà Lốc tách thành bản Nà Lặng, Nà Kha. Bản Nà Liu tách ra thành các bản Nà Vài, Nà Liu, Nà Hin. Bước sang thập niên 90 của thế kỷ XX, xã Quang Thuận hình thành thêm 2 thôn: Phiêng An 1, Phiêng An 2. Thôn Phiêng An 1 được hình thành trên cơ sở tập trung những công nhân giao thông nghỉ hưu về đây định cư sinh sống. Năm 1992, theo chủ trương của Nhà nước, một bộ phận dân tộc người Dao (chủ yếu từ Phủ Thông sang) chuyển về xã Quang Thuận sinh sống, thôn Phiêng An 2 được thành lập từ ngày đấy. Đến cuối năm 2015, xã có 12 thôn, bản gồm: Nà Đính, Nà Chạp, Nà Thoi, Boóc Khún, Khuổi Pjầu, Nà Kha, Nà Lặng, Nà Vài, Nà Liu, Nà Hin, Phiêng An 1, Phiêng An 2. Được sự quan tâm của các cấp chính quyền trong việc đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, các tuyến đường đã được bê tông hóa, vì vậy, việc di chuyển đi lại giữa thôn bản ở Quang Thuận hay với các xã lân cận diễn ra thuận lợi hơn.

Với những thuận lợi cơ bản về vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên đã và đang tạo điều kiện cho Quang Thuận phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt là thương mại, dịch vụ và nông, lâm nghiệp, mở rộng giao lưu văn hóa, khoa học - kỹ thuật với các xã trong huyện và tỉnh, nhất là trong công cuộc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

II. TRUYỀN THỐNG VĂN HÓA

Cũng như các cộng đồng dân tộc sống trong vùng lân cận, các dân tộc xã Quang Thuận còn bảo tồn được nhiều giá trị văn hóa vật chất và tinh thần. Các giá trị văn hóa được biểu hiện qua việc xây dựng nhà cửa, trang trí nhà cửa, quần áo, nếp sống gia đình, tộc họ, quan hệ cộng đồng làng bản, các loại hình văn hóa nghệ thuật, các nghi lễ thờ cúng, ma chay, cưới xin,... Cộng đồng dân cư ở Quang Thuận (ngày nay) là sự kết hợp của người dân bản địa và những người di cư từ các nơi khác đến, định cư thành dòng họ, thôn bản. Toàn xã có 4 thành phần dân tộc chính là Kinh, Tày, Dao, Nùng, ngoài ra còn một số dân tộc khác như H'Mông, Hoa, Thổ, tuy nhiên số lượng không đáng kể. Mỗi dân tộc với những nét văn hóa truyền thống đặc trưng, trải qua lịch sử lâu đời với quá trình cộng cư xen cài, các dân tộc đã có quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hóa, hình thành các giá trị văn hóa đa dạng, phong phú, đậm đà bản sắc.

Người Tày, Nùng trước đây thường ở nhà sàn, nhà thường có hai loại chính: sàn 2 mái và sàn 4 mái (nếu là nhà sàn 4 mái thì 2 mái đầu hồi bao giờ cũng thấp hơn hai mái chính), cửa có thể mở ở mặt trước hoặc đầu hồi. Cầu thang lên xuống bằng tre hoặc gỗ, số bậc bao giờ cũng lẻ. Về bố cục của ngôi nhà chia làm hai phần bởi vách ngăn: phần trong đặt bếp, là nơi sinh hoạt của phụ nữ trong gia đình; phần ngoài dành cho nam giới và là nơi đặt bàn thờ tổ tiên. Đồng bào người Dao thường sinh sống ở các sườn núi, vì vậy để phù hợp với địa hình cao, dốc, đồng bào thường dựng nhà nửa sàn nửa đất, nhà đất (nhà trệt). Bên

cạnh các ngôi nhà được xây theo kiểu truyền thống, theo xu thế hiện nay, nhiều đồng bào trên địa bàn xã đã làm nhà theo kiến trúc hiện đại, dùng vật liệu đất nung, xi măng, sắt thép, lợp ngói hoặc đổ mái bằng, hướng nhà thường làm về phía nam nhìn cánh đồng hay dòng suối.

Trang phục cổ truyền của người Tày được làm từ vải sợi bông tự dệt, nhuộm chàm đồng nhất ở cả nam và nữ, hầu như không có hoa văn trang trí. Quần áo nam giới đơn giản với chiếc áo ngắn, xẻ ngực, cài 5 cúc trước ngực tạo sự nhanh nhẹn, khỏe khoắn. Nữ giới thường mặc áo cánh, thắt lưng ngoài áo, quấn tóc ngang, đi hài vải, trang sức chủ yếu là vòng tay, vòng cổ, dây xà tích giắt ở thắt lưng, để tăng thêm vẻ duyên dáng của người phụ nữ Tày còn thắt lưng bằng những tấm vải chàm. Trong khi đó, trang phục của người phụ nữ Dao khá cầu kỳ gồm có áo, yếm, xà cạp cùng đồ trang sức vàng bạc, khăn vấn đầu, y phục của phụ nữ Dao được trang trí sắc sảo, hoa văn thêu cầu kỳ, tinh tế... Ngược lại, trang phục của nam giới lại rất đơn giản, đó là những chiếc áo chàm đen, xẻ ngực, cài cúc trước ngực và thường cài 5 cúc. Quần rộng đũng, đầu đội mũ nôi, lưng đeo tay nải hoặc túi vải màu đen, dao đeo bên hông. Cả nam, nữ và trẻ con người Dao đều thích đeo trang sức như vòng cổ, chân, tay. Ngoài việc làm đẹp thì chúng còn mang giá trị nhân văn, tín ngưỡng. Theo quan niệm, những người đeo trang sức bằng bạc thì sẽ trừ tà ma, tránh gió và sẽ được thần linh phù hộ. Đàn ông người Dao trước đây để tóc dài búi sau gáy, hoặc để chỏm tóc trên đỉnh đầu, ngày nay đã cắt tóc ngắn. Phụ nữ người Dao thường để tóc dài, trong ngày cưới, cô dâu

được trang điểm cầu kì, đội mũ màu đỏ, cổ và tay đeo nhiều vòng bạc.

Về ăn uống thể hiện sự sáng tạo và đặc trưng của các dân tộc trong kỹ thuật chế biến món ăn. Thức ăn chính là gạo tẻ nhưng việc chế biến món ăn từ gạo nếp được chú trọng, nhất là trong những ngày lễ tết, cơm, các loại xôi màu, bánh trưng gù (pẻng ben) và bỏng ép (khẩu sli) được coi là những món ăn hấp dẫn. Bữa ăn mang tính bình đẳng, nhân ái. Tất cả các thành viên trong gia đình ăn chung một mâm, khách đến nhà được quý mến và nể trọng.

Các tộc người ở Quang Thuận có đời sống tín ngưỡng phong phú, tin vào “vạn vật hữu linh”. Các thần linh được thờ rất đa dạng như thần núi, thần sông, thần đất, thần lửa. Bên cạnh đó, ý thức cộng đồng, gia đình luôn được củng cố thông qua tín ngưỡng thờ thần bản mệnh của bản, thờ phụng tổ tiên. Như theo cách lý giải của đồng bào người Dao thì khi con người chết đi, họ chỉ chết về thể xác, còn linh hồn “mãi bất diệt quay về với tiên tổ”. Mỗi gia đình đều có một bàn thờ tổ tiên, được đặt ở vị trí trang trọng nhất trong nhà, thường được đặt cao ở chính giữa ngôi nhà. Ngoài tục thờ cúng ông bà tổ tiên, đồng bào người Nùng còn thờ các thần thổ địa, thổ công, bà mụ, ma cửa, ma thang sàn, thần có công lập thôn, dựng bản. Đối với thần thổ công, thì ngày mừng một tết Nguyên đán, các gia đình mang lễ vật đến cúng. Bàn thờ bà mụ thường được đặt ngay ở đầu giường của phụ nữ đã có con.

Trong hôn nhân, đồng bào Tày diễn ra không quá cầu kỳ. Theo tục lệ, trước lễ cưới vài hôm, nhà trai phải

đem đầy đủ sính lễ (đã thỏa thuận ở lễ ăn hỏi) sang cho nhà gái mới được tổ chức cưới. Lễ cưới được tổ chức trong hai ngày và nhà gái tổ chức lễ cưới trước nhà trai một ngày. Tục ở rể cũng có ở đồng bào người Dao (có hai hình thức ở rể: ở có thời hạn từ 2-3 năm và ở vĩnh viễn). Hiện nay, quan niệm về hôn nhân có sự tiến bộ hơn trước, những hủ tục lạc hậu được loại bỏ, các nét văn hóa truyền thống đặc trưng của dân tộc vẫn được duy trì, gìn giữ qua nhiều thế hệ.

Trên phương diện văn học, nghệ thuật, bên cạnh văn học viết bằng chữ Nôm Tày, đồng bào người Tày còn vốn văn học truyền miệng khá phong phú ở các thể loại như: ca dao, tục ngữ, câu đố, câu đối, truyện cười, truyện cổ tích, thần thoại... phản ánh nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là các kinh nghiệm sản xuất và sinh hoạt xã hội. Các làn điệu ru con hát Cọi (lượn cọi), hát Quan làng (tiếng Tày gọi là pú quan làng) trong đám cưới, Páo dung (của người Dao), các làn điệu Then, Pụt dùng trong cúng bái được nhiều người yêu thích... Các dân tộc khác như Nùng, Dao, Hoa, Kinh cũng có đời sống tinh thần rất phong phú và đậm đà bản sắc, phản ánh nhiều lĩnh vực của đời sống. Họ hát, sáng tác hoặc ứng tác lời hát vào các dịp trai gái đến chơi, trong đám cưới, dịp vào nhà mới, những ngày hội và chợ phiên... Có hai hình thức thể hiện là hát đơn và hát đối đáp, nhưng hát đối đáp là thông dụng hơn. Hát đối đáp thường áp dụng khi làm quen, tìm hiểu nhau. Trong sinh hoạt ca hát dân gian, nhạc dân gian Tày sử dụng nhiều nhạc cụ: kèn, trống, thanh la, lục lạc, đàn tính, trong đó, cây đàn tính được coi là biểu tượng cho sự độc đáo trong

âm nhạc dân gian dân tộc Tày. Nhạc cụ dân tộc của người Dao chủ yếu được sử dụng trong các nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng, gồm có trống, thanh la, chũm chọe, chuông nhạc, tù và. Ngoài ra, đồng bào người Dao còn có các loại nhạc cụ khác như nhị, sáo, đàn môi...

Hàng năm, vào dịp sau tết Nguyên đán, ở khắp các bản trong xã lại chờ đón những ngày hội rộn ràng của lễ hội Lồng Tồng (xuống đồng). Phần lễ được thực hiện với nghi thức rước mâm cỗ do nhân dân và các ban ngành, đoàn thể trong xã dâng lên. Mâm cỗ được làm từ những sản vật của địa phương do nhân dân tự đóng góp. Phần hội thu hút được đông đảo nhân dân trong xã và du khách tham gia bởi các trò chơi truyền thống và hiện đại như đánh quay, kéo co, tung còn, bắn nỏ, bóng chuyền, bóng đá. Buổi tối là chương trình giao lưu văn nghệ mừng Đảng, mừng xuân giữa đội văn nghệ các thôn, bản trong xã. Đồng bào người Nùng có một kho tàng văn hóa dân gian phong phú với nhiều làn điệu dân ca đậm đà bản sắc dân tộc. Tiếng Sli giao duyên hòa quyện vào âm thanh tự nhiên của núi rừng gây ấn tượng sâu sắc cho những ai từng nghe. Tết cổ truyền của người Dao diễn ra cùng dịp với tết Nguyên đán của người Kinh. Vào những ngày giáp Tết (tháng 12 âm lịch), dân bản tập trung tại nhà trưởng bản hoặc một nhà nào đó theo phiên để cùng nhau tiến hành “Tết Nhảy”. Để chuẩn bị cho “Tết Nhảy”, các thanh niên trong bản phải tập các điệu múa, điệu nhảy và phải chuẩn bị gươm đao bằng gỗ để múa. Trong “Tết Nhảy”, mỗi người phải nhảy múa đến hàng trăm lượt trong tiếng chuông, tiếng trống giục giã. Người tham dự Tết, nhảy

múa liên tục cả ngày cả đêm, ai mệt thì ra, người khác sẽ thay thế. “Tết Nhảy” của người Dao là tết của gia đình nhưng lại được cả bản coi như là tết của chung, là nét sinh hoạt văn hóa mang tính tổng hợp của các loại hình nghệ thuật dân gian như nhảy múa, âm nhạc, ngôn ngữ...

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cùng phải chú ý đến và phải coi là quan trọng ngang nhau: chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa”. Đặc biệt, trong bối cảnh nước ta đang đẩy mạnh hội nhập, giao lưu kinh tế thì các yếu tố văn hóa - xã hội đóng vai trò quan trọng. Bởi vậy, việc chọn lọc, bảo tồn những giá trị tốt đẹp phục vụ cho đời sống nhân dân và đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương đang là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Đảng bộ và chính quyền xã Quang Thuận.

Chương II

THAM GIA ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1945-1954)

I. QUANG THUẬN TRONG THỜI KỲ VẬN ĐỘNG CÁCH MẠNG TRƯỚC NĂM 1945

1. Tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội dưới thời Pháp thuộc

Năm 1858, thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, bắt đầu xâm lược nước ta. Sau khi thiết lập được bộ máy cai trị ở Nam Kỳ, Trung Bộ và đồng bằng Bắc Bộ, thực dân Pháp đưa quân lên đánh chiếm các tỉnh miền núi phía Bắc. Sau nhiều đợt tấn công liên tục, ngày 16-5-1884, thực dân Pháp chiếm được Thái Nguyên và lấy đây làm căn cứ để đánh mở rộng ra các địa phương lân cận. Năm 1888, đạo quân Ba Bể do Đại tá Xec-vi-e chỉ huy tiến từ Cao Bằng xuống chiếm Ngân Sơn, đến tháng 11-1894, thực dân Pháp đánh chiếm toàn bộ địa phận tỉnh Bắc Kạn. Từ đây, chúng thi hành nhiều chính sách cai trị tàn bạo, đẩy cuộc sống của người dân trở nên khó khăn, cực khổ.

Về chính trị, sau khi chiếm được Thái Nguyên, ngày 11-4-1900, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định tách phủ Thông Hóa để thành lập tỉnh Bắc Kạn gồm các châu:

Bạch Thông, Chợ Rã, Thông Hóa (về sau đổi thành Na Rì), Cẩm Hóa (về sau đổi thành Ngân Sơn). Ở châu Bạch Thông, chúng chia thành 5 tổng với 26 xã. Để tiện cai trị, thực hiện âm mưu “lấy người Việt trị người Việt”, thực dân Pháp lợi dụng bộ máy chính quyền phong kiến để làm tay sai đắc lực, thống trị và vơ vét của cải của nhân dân địa phương. Ở châu, đứng đầu là tri châu, dưới là cấp tổng do chánh tổng, phó tổng cai quản. Dưới cùng là cấp xã có lý trưởng, phó lý và các chức danh giúp việc là: chường bạ (coi việc sổ sách, điền bạ), hộ lại (trông coi giấy tờ sinh, tử, giá thú), xã lộ (phụ trách cầu đường), trương tuần (phụ trách an ninh, tuần phòng) và xã đoàn (phụ trách quân sự, binh dịch). Từ năm 1931, chính quyền thực dân Pháp đặt thêm Hội đồng kỳ mục, có từ 3 đến 5 người gồm lý trưởng, phó lý và các thủ bạ.

Nhằm khơi sâu mâu thuẫn giữa các tộc người, gây chia rẽ sự đoàn kết, thực dân Pháp đặt bộ máy cai trị riêng theo thành phần dân tộc. Đối với người Dao, chúng đặt chế độ quản chiều cai trị ở cấp châu, chánh Mán cai trị ở cấp tổng, động chiều ở cấp xã. Chúng đề ra một số quy định có tính chất phân biệt đối xử giữa các dân tộc. Lý trưởng người Tày bắt người Dao phải đến nhà phục dịch trong các ngày giỗ, tết, ma chay, cưới xin, người Dao muốn làm nương thì phải nộp tiền cho bọn lý trưởng. Sự phân biệt đó còn diễn ra ngay trong đội ngũ quan lại: quản chiều cai quản người Dao trong toàn châu không có lương, nhưng tri châu có lương và có lính bảo vệ và phục dịch.

Bên cạnh bộ máy cai trị, thực dân Pháp còn thiết lập bộ máy quân sự nhằm đàn áp các phong trào của nhân

dân. Ở các châu có châu đoàn, các tổng có tổng đoàn, phó tổng đoàn và các xã có xã đoàn và lính đồng. Lính đồng là một công cụ của bọn thống trị dùng để đàn áp phong trào đấu tranh, bảo vệ trật tự trị an cho chính quyền thực dân - phong kiến.

Về kinh tế, sau khi thiết lập xong bộ máy cai trị, thực dân Pháp bắt tay vào công cuộc vơ vét, bóc lột. Về kinh tế, chúng mở rộng quy mô chiếm đoạt và khai thác với các thủ đoạn ngày càng trắng trợn, thông qua việc đặt thêm nhiều thứ thuế vô lý. Trong đó, nặng nề và vô lý nhất là thuế đinh và thuế điền.

Thuế đinh (hay còn lại thuế thân) là loại thuế đánh xuống đầu đinh (nam giới tuổi từ 18-60). Có hai loại thuế đinh: *loại nội tịch* (với những người có tài sản), mỗi đầu người phải nộp 3 đồng, theo thời giá lúc đó 3 đồng có thể mua một con trâu mộng; *loại ngoại tịch*, áp dụng với những người không có tài sản hoặc ở nơi khác đến cư trú, mỗi đầu đinh phải nộp 1,5 đồng trong một năm¹.

Thuế điền là loại thuế đánh vào ruộng đất và được chia làm ba hạng: 7 đồng/mẫu - nhất đẳng điền, 5 đồng/mẫu - nhị đẳng điền, 4 đồng/mẫu - tam đẳng điền. Việc phân chia mức thuế theo đẳng hạng đã tạo kẽ hở cho bọn quan tham những trong việc bỏ thuế. Cường hào, kỳ mục tìm mọi cách để bòn rút, tăng thuế của nhân dân, chúng đổi nhị đẳng điền thành nhất đẳng điền, tam đẳng điền lên nhị đẳng điền để tăng thuế. Cứ đến mỗi vụ thu thuế,

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bạch Thông: *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930-1975)*, tr. 27.

ngoài số tiền phải nộp, nhân dân còn phải đóng thêm từ 0,5-1 đồng tiền “phụ thu lạm bổ”. Những người không có tiền nộp đều bị quan lại đưa lính đến bắt giam, đánh đập buộc gia đình phải tìm mọi cách kiếm tiền nộp đủ. Vì vậy, không ít gia đình rơi vào cảnh khốn cùng, tan nát. Ngoài hai loại thuế thuế trên, chúng còn đặt ra nhiều thứ thuế vô lý khác nhằm bóc lột nhân dân ta như: thuế môn bài, thuế nền nhà, độc quyền muối, rượu và quản lý chặt chẽ việc khai thác lâm, thổ sản.

Cùng với đó, người dân còn phải chịu nạn phu phen, tạp dịch. Theo quy định của chính quyền thực dân, hàng năm mỗi người nam công dân phải đi phu hai lần, mỗi lần từ 10-12 ngày và phải tự túc lương thực. Dân phu phải làm những việc nặng nhọc như vận chuyển đồ đạc, khiêng cáng bọn quan lại đi xây đồn, làm cầu, xây dựng sân bay Bắc Kạn¹, làm đường Bắc Kạn - Chợ Rã, Bắc Kạn - Chợ Đồn... trong khi đó, họ còn phải chịu cảnh đánh đập, bòn rút của bọn cai phu, số tiền công nhận được rẻ mạt không đủ để chi trả cho chi phí cho sinh hoạt hàng ngày, hưởng chi còn hàng trăm thứ thuế đổ trên đầu.

Về văn hóa - xã hội, để dễ bề cai trị, thực dân Pháp thi hành chính sách ngu dân, nhằm kìm hãm nhân dân trong vòng dốt nát. Toàn châu Bạch Thông chỉ có hai trường tiểu học gồm 6 lớp (từ lớp 1- lớp 6) đặt tại thị xã Bắc Kạn và thị trấn Phủ Thông. Một số trường tiểu học gồm 3 lớp (lớp 1- lớp 3) ở Vi Hương, Lục Bình, Huyện Tụng. Số học

1. Năm 1935, thực dân Pháp cho xây dựng sân bay Bắc Kạn, huy động dân phu làm việc thường xuyên khoảng 800 người.

sinh tới trường phần lớn là con em hàng quan lại ở địa phương, một ít số con nhà giàu. Tuyệt đại đa số con em nhân dân lao động nghèo khổ không có điều kiện đi học. Vì vậy, có 98% dân số trong xã mù chữ.

Bên cạnh đó, chính quyền thực dân và phong kiến địa phương còn khuyến khích duy trì nhiều hủ tục lạc hậu trong các làng bản như: tảo hôn, thách cưới, ma to (có đám ma to người dân cúng bằng lợn, có gia đình giết hết lợn, gà để làm ma)... chúng còn khuyến khích các tệ nạn cờ bạc, hút thuốc phiện nhằm lôi kéo thanh, thiếu niên vào con đường ăn chơi, sa đọa.

Dưới chế độ thực dân, phong kiến, việc phòng bệnh, chữa bệnh cho nhân dân không được quan tâm. Toàn châu Bạch Thông chỉ có 1 y tá, 1 nữ hộ sinh, 1 thầy ký để phục vụ cho bọn thống trị¹. Địa bàn Quang Thuận nằm ở vùng núi cao, khí hậu ẩm thấp nên các dịch bệnh như sốt rét, ho lao, kiết lỵ... thường xuyên diễn ra và trở thành mối đe dọa lớn đối với nhân dân ở địa phương. Người dân bệnh tật, ốm đau không có thuốc thang cứu chữa, họ chỉ biết mời thầy Tào - người đảm nhiệm nhiều chức vụ: thầy thuốc, thầy cúng... đến nhà để xem có con ma nào đến quấy nhiễu hoặc chữa chạy theo kinh nghiệm dân gian, nhà nào nghèo túng thì chỉ biết phó thác cho số phận, nạn hữu sinh vô dưỡng trở nên phổ biến.

Dưới ách thống trị chế độ thực dân, phong kiến, nhân dân tổng Nông Thượng nói chung và nhân dân Quang

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bạch Thông: *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930-1975)*, tr. 30.

Thuận nói riêng phải sống một kiếp đời tối tăm, bị chèn ép về mọi mặt: văn hóa - xã hội lạc hậu; kinh tế làng xã suy kiệt, bao trùm lên là bầu không khí chính trị ngột ngạt. Như một hệ quả tất yếu, có áp bức sẽ có đấu tranh, dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh, nhân dân tổng Nông Thượng, trong đó có Quang Thuận đã vùng lên đập tan xiềng xích của bọn thực dân, phát xít, phong kiến “đem sức ta mà giải phóng cho ta”.

2. Tham gia các phong trào đấu tranh tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền năm 1945

Sau nhiều năm bôn ba hải ngoại, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc. Sau đó, Người đã tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin về nước, chuẩn bị cho tiền đề về chính trị, tư tưởng, tổ chức để tiến tới thành lập một chính đảng vô sản ở Việt Nam. Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, nắm ngọn cờ lãnh đạo phong trào cách mạng ở Việt Nam, từ đây phong trào đấu tranh ngày càng trở nên sôi nổi, rộng khắp trên cả nước.

Tuy nhiên, vì nhiều yếu tố khách quan và chủ quan nên các phong trào cách mạng do Đảng lãnh đạo thời gian đầu chưa lan đến vùng đất Quang Thuận. Mặc dù vậy, một số cuộc đấu tranh chống lại sự áp bức của chính quyền thực dân phong kiến vẫn diễn ra. Điển hình như trong hai năm 1932-1934, toàn châu Bạch Thông đã phát động chống thuế, phong trào diễn ra sôi nổi và thu hút được đông đảo quần chúng tham gia. Nhân dân 2 tổng Hà Vị và Nông Thượng (trong đó có xã Quang Thuận) do ông Nguyễn Bông (ở Xuất Hóa) và ông Chi (ở Cao Kỳ) đứng

ra tổ chức, đã đưa đơn kiện bọn quan lại địa phương lên phủ Toàn quyền¹.

Đầu tháng 9-1939, chiến tranh Thế giới lần thứ hai bùng nổ, nước Pháp tham chiến. Thực dân Pháp ở Đông Dương thi hành các chính sách phản động về mọi mặt: Một mặt, chúng ra sức khủng bố, đàn áp phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa; Mặt khác, chúng thực hiện lệnh tổng động viên, bổ sung lực lượng cho quân đội, thực hiện chính sách “kinh tế chỉ huy” nhằm vơ vét sức người, sức của phục vụ cho cuộc chiến tranh phi nghĩa. Cuối tháng 9-1940, Nhật tiến vào Đông Dương, thực dân Pháp mau chóng đầu hàng, dâng Đông Dương cho phát xít Nhật, đẩy nước ta rơi vào cảnh “một cổ đôi tròng”.

Trước những diễn biến phức tạp của cuộc chiến tranh Thế giới thứ hai và những thay đổi về tình hình cách mạng trong nước, năm 1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, trực tiếp lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng. Người đã triệu tập và chủ trì Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (từ ngày 10-19/5/1941) tại Pắc Pó - Cao Bằng, Hội nghị nhấn mạnh phải “thay đổi chiến lược”, giương cao ngọn cờ đấu tranh giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tích cực chuẩn bị mọi mặt cho cuộc vũ trang cách mạng từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Bên cạnh đó, Hội nghị quyết định đổi tên “Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế” thành Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh), đổi tên các hội phản đế thành các hội cứu quốc.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bạch Thông: *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930-1975)*, tr. 32.

Sang đầu năm 1942, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh có chủ trương “Nam tiến”, giao cho đồng chí Võ Nguyên Giáp nhiệm vụ phụ trách xây dựng con đường cách mạng từ Cao Bằng xuống Bắc Kạn, Thái Nguyên để mở đường về xuôi. Trong quá trình mở rộng căn cứ cách mạng đã bị địch phát hiện và tiến hành khủng bố dữ dội, nên việc phát triển hội phải tạm lắng xuống. Tháng 8-1942, sau một thời gian củng cố lực lượng, Chi hội Nam tiến được thành lập, trên cơ sở đó, các đội xung phong Nam tiến cũng lần lượt được hình thành. Để tránh sự chú ý của địch, Chi hội chuyển hướng phát triển lên vùng cao (địa bàn sinh sống của dân tộc Dao và H'Mông), lấy đây làm bàn đạp tiến xuống vùng thấp. Một số người Dao trên địa bàn xã có họ hàng ở Chợ Rã, Ngân Sơn biết tin có tổ chức Việt Minh đang tuyên truyền, tổ chức nhân dân nổi lên đánh Tây giành độc lập.

Khoảng tháng 9-1943, đồng chí Bàn Thành Công (tên gọi khác Bàn Văn Hồng) - cán bộ Nam tiến cùng với ông Bàn Chính Thượng xuống bản Nà Lồm (xã Đôn Phong) tuyên truyền, tổ chức kết nạp hai bố con ông là Triệu Khánh Phung, Triệu Thừa Quang và ông Quán vào Hội Việt Minh, lấy đây là cơ sở phát triển rộng ra các bản trong vùng cao hai xã Đôn Phong, Dương Quang¹. Chỉ sau một tháng (tháng 10-1943), đồng chí Phạm Duy Tiến - cán bộ Việt Minh (bí danh Duy) và đồng chí Hiền trong nhóm Nam Tiến sau khi đến các bản Nà Lồm, Nậm Cắt, Khuổi

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bạch Thông: *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông (1930-1975)*, tr. 39.

Dên (xã Dương Quang) để xây dựng cơ sở và phát triển hội viên, cùng đồng chí Triệu Thừa Quang (hội viên mới kết nạp) vượt Khau Pù sang bản Nà Đình tuyên truyền.

Vào tháng 12-1943, đồng chí Võ Nguyên Giáp đến vùng Bạch Thông hoạt động, đồng chí tổ chức cuộc họp tại xã Dương Quang, giao nhiệm vụ cho các đồng chí Đức Xuân, Phạm Duy Tiên, Tùng Vân củng cố và mở rộng đường dây liên lạc ở các bản vùng cao (đồng bào Dao) và vùng thấp (đồng bào Tày Nùng). Nhờ vậy, cơ sở cách mạng ở huyện Bạch Thông nói chung và xã Dương Quang nói riêng phát triển nhanh chóng.

Nhận thấy phong trào Việt Minh đang phát triển mạnh mẽ trong cộng đồng người Dao, chính quyền thực dân tìm mọi cách ngăn chặn. Chúng cử Phó Giám binh Pháp ở Bắc Kạn cùng Chánh án Bắc Kạn là Đinh Ngọc Phụng, Thương tá Bắc Kạn là Hà Sĩ Đệ, tri phủ Bạch Thông là Nông Ích Văn, châu đoàn Bạch Thông là Dương Đình Thành, các lý trưởng, phó lý, xã đoàn Đôn Phong, Dương Quang kéo bọn lính đồng, lính khố xanh càn vào các bản Nậm Cắt, Khuổi Dên (xã Dương Quang). Sau khi tiến hành càn quét xong, quân Pháp và tay sai dồn dân các bản người Dao về sống tập chung ở Nà Ry, Khuổi Luồi, sai lính đồng gác các bản người Dao để chúng tiện quản lý cũng như cách ly với Việt Minh. Song song với đó, chúng cũng hạn chế bán muối ăn để đồng bào người Dao không có muối cung cấp cho Việt Minh. Do bị chính quyền thực dân phong kiến ra sức kìm kẹp nên phong trào có phần giảm sút, tuy vậy, các hộ người Dao vẫn cố gắng giữ liên lạc để phong trào cách mạng không bị tan rã.

Đối với các cơ sở Việt Minh, chính quyền thực dân phong kiến bắt tất cả gia đình cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên, những người có cảm tình với cách mạng trong cộng đồng người Dao đưa về giam giữ tại Pá Deng (xã Huyền Tụng). Các đồng chí Bàn Văn Hoan - Phó Chủ nhiệm Ban Chấp hành Việt Minh khu Quang Trung, đồng chí Phan Văn Long (Quốc Thanh) - Ủy viên Ban Chấp hành Việt Minh châu Ngọc Quyển và ông Nông Văn Bọc bị chúng đem đi hành hình ở Km 8 thuộc Nà Buốc (thôn Nà Vài).

Bước sang năm 1945, phát xít Nhật bị thất bại liên tiếp trên mặt trận châu Á - Thái Bình Dương. Ở Đông Dương, thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị hất cẳng Nhật, trước tình hình đó, ngày 9-3-1945, Nhật tiến hành cuộc đảo chính Pháp trên toàn cõi Đông Dương. Ngày 12-3-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp phiên mở rộng đã ra Chỉ thị “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, xác định kẻ thù lúc này của dân tộc Việt Nam là phát xít Nhật, đồng thời phát động cao trào kháng Nhật cứu nước làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Về tình hình hoạt động cách mạng tại xã Dương Quang, tuy bị địch đàn áp một cách tàn bạo nhưng ngọn lửa cách mạng vẫn được duy trì, các đảng viên kiên trung vẫn cố gắng bám trụ nhằm giữ cơ sở cách mạng. Chính vì thế, khi Việt Minh đẩy mạnh hoạt động, khí thế cách mạng tại nơi đây lại được thổi bùng lên. Nhiều cán bộ Việt Minh được cử đến Đôn Phong, Dương Quang như đồng chí Hà Hưng Long, Đào Hào Kiệt, Độ Kỳ. Các buổi

tuyên truyền được tổ chức công khai ở các thôn bản đồng bào người Dao, người Tày. Cùng với đó, các lực lượng quần chúng như: Hội Nông dân cứu quốc, Hội Phụ nữ cứu quốc, Thanh niên cứu quốc, dân quân, du kích được hình thành. Nhiều thanh niên nam nữ hăng hái nhận nhiệm vụ như dẫn đường, liên lạc cho cán bộ Việt Minh, bộ đội giải phóng, đi vận động ủng hộ, xay thóc, giã gạo, tiếp tế cho bộ đội giải phóng. Có nhiều thanh niên trong xã hăng hái gia nhập quân giải phóng, trong đó có Lưu Đình Sơn ở thôn Nà Lốc.

Ngày 18-4-1945, có hai đoàn cán bộ Việt Minh vượt Khau Pùa (Bản Chịt) và Kéo Lìu (Bản Vén) đến Nà Đán gồm các đồng chí Quang Trung (Đàm Quang Trung), Đại Khang (Hoàng Văn Thái), Hoàng Sâm, Thu Sơn, Phạm Duy Tiên, Nguyễn Đức Thanh tổ chức nói chuyện và hô hào nhân dân đoàn kết nổi dậy đánh đuổi phát xít Nhật giành độc lập dân tộc. Ngày 19-4-1945, tổ chức mít tinh toàn xã tại cánh đồng Nà Đán và bầu Ủy ban Việt Minh lâm thời xã gồm 7 người. Để giữ bí mật và phù hợp với tình hình lãnh đạo phong trào, xã Dương Quang được chia thành thành nhiều xã nhỏ. Vùng Dương Phong và Quang Thuận ngày nay gọi là xã Quốc Thanh Thượng và Quốc Thanh Hạ¹.

Nhằm hạn chế sự phát triển của phong trào cách mạng trong xã, quân Nhật đóng ở thị xã dùng lực lượng bảo an tổ chức nhiều trận đi càn lớn. Sáng 11-5-1945, khoảng

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Dương Quang: *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Dương Quang (1945-2005)*, tr. 43.

100 lính Nhật từ thị xã Bắc Kạn mở cuộc càn quét vào vùng giải phóng giữa Bạch Thông và Chợ Đồn. Bị quân ta phục kích ở Bản Pè (Dương Phong), địch buộc phải quay trở lại thị xã. Đến ngày 2-7-1945, quân Nhật ở thị xã càn lên Chợ Đồn bị du kích, tự vệ ta tổ chức chặn đánh ở Nà Vài (Km 7) và Nà Đình (Km 13), khiến chúng khốn đốn, tìm cách để thoát thân.

Theo chỉ đạo của cấp trên, nhân dân Dương Quang tích cực tham gia công tác phá đường giao thông, san đất, chặn cây lấp đường, phá cầu cống trên đường số 3 để cắt đứt đường tiếp vận lương thực, thực phẩm, vũ khí, quân đội của Nhật. Do đó, khi địch co cụm trong thị xã Bắc Kạn, xã Dương Quang là cứ địa an toàn của Việt Minh bao vây quân Nhật đóng ở thị xã. Bên cạnh đó, nhân dân Dương Quang hăng hái đóng góp lương thực, thực phẩm, tích cực giúp đỡ du kích, tự vệ, bộ đội hoạt động, thanh niên các dân tộc nô nức tham gia các lực lượng vũ trang. Xã Dương Quang thành lập một đơn vị tự vệ với khoảng 10 đồng chí, được trang bị giáo mác, súng kíp, thường xuyên luyện tập, canh gác bảo vệ quần chúng và cơ sở cách mạng.

Sang tháng 8-1945, thế chiến thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc, Hồng quân Liên Xô tiêu diệt 1 triệu quân Quan Đông của Nhật. Ngày 15-8-1945, Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng Minh vô điều kiện. Tại Bắc Kạn, phát xít Nhật như rắn mất đầu, chúng run sợ, co cụm trong đồn Phủ Thông. Trước khí thế cách mạng của nhân dân ta, phát xít Nhật phải cho phái viên ra gặp đại diện ta ở Phắc Tràng (Dương Quang) để thương lượng. Ngày 19-8-1945, đại diện quân Nhật gặp đại biểu Việt Minh tại sân bay Bắc

Kạn để giao nộp hồ sơ và bàn giao chính quyền. Ngày 23-8, quân Nhật rút khỏi Bắc Kạn, châu Bạch Thông hoàn toàn được giải phóng. Ngày 25-8, lực lượng quần chúng xã Dương Quang, Đôn Phong từ 3 ngả kéo vào thị xã mít tinh mừng Bắc Kạn giải phóng.

Khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Bắc Kạn diễn ra nhanh chóng và hoàn toàn giành thắng lợi, trong đó có sự đóng góp của nhân dân Quang Thuận. Thắng lợi đó đánh dấu sự trưởng thành và lớn mạnh của lực lượng vũ trang xã cũng như châu và tỉnh. Cùng với nhân dân cả nước, đồng bào các dân tộc địa phương đập tan xiềng xích gần một trăm năm đô hộ của thực dân Pháp và lật đổ chế độ phong kiến, lập nên chính quyền dân chủ của nhân dân, mở ra một thời kỳ mới trên chặng đường đấu tranh giành độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc.

II. XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN SAU CÁCH MẠNG, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÁNG CHIẾN VÀ PHỤC VỤ KHÁNG CHIẾN (1945-1954)

1. Xây dựng, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân (1945-1946)

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trình trọng đọc bản Tuyên ngôn Độc lập, tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Cả dân tộc đều vui mừng khi được sống trong độc lập, tự do, được làm chủ đất nước, quê hương.

Tuy vậy, chính quyền non trẻ phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách. Nạn đói, dịch bệnh, nền kinh tế,

tài chính kiệt quệ và nhiều tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại: Ở miền Bắc, từ vĩ tuyến 17 trở ra, 20 vạn quân Tưởng mang danh nghĩa Đồng Minh kéo vào nước ta; ở miền Nam hơn 1 vạn quân Anh, theo sau là quân Pháp tràn vào. Mỗi kẻ thù có những mưu đồ riêng, song đều chung một mục tiêu là chống phá chính quyền cách mạng, thủ tiêu nền độc lập của dân tộc.

Cùng với những khó khăn của đất nước, chính quyền châu Bạch Thông nói chung và nhân dân Dương Quang tuy không phải trực tiếp chiến đấu với kẻ thù xâm lược và bọn tay sai phản động, nhưng cũng đang đứng trước nhiều khó khăn chông chát: Trước hết về chính trị, huyện Bạch Thông là vùng không có quân Tưởng đến chiếm đóng, nhưng đây là nơi có nhiều người Hoa sống tập trung, bọn tay chân của Tưởng Giới Thạch đã đến hoạt động, chúng len lỏi vào các bản để lôi kéo người Hoa tham gia tổ chức “Nam dương Hoa kiều Hiệp hội” và ra sức chống phá chính quyền cách mạng. Kinh tế thấp kém và lạc hậu, lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm khác thiếu thốn, tài chính ngân sách cạn kiệt, phần lớn ruộng đất nằm ở trong tay giai cấp thống trị, người dân lao động không có ruộng đất để sản xuất. Nhân dân bị kìm hãm trong ngu dốt, lạc hậu, tệ nạn xã hội như nghiện hút, trộm cắp, cờ bạc, mê tín dị đoan. Bên cạnh đó những khó khăn đó, xã Dương Quang cũng có những thuận lợi cơ bản: Quê hương được giải phóng, chính quyền xã và các đoàn thể quần chúng đã được thành lập và bước đầu đi vào hoạt động, nhân dân một lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng và chính quyền địa phương.

Đề phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ mới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lãnh đạo, chỉ đạo các công việc ở địa phương. Ngày 3-9-1945, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Hồ Chủ tịch đã đề ra các nhiệm vụ cấp bách, trong đó tập trung tiêu diệt “giặc đói”, “giặc dốt”, “giặc ngoại xâm”. Ngày 25-11-1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Kháng chiến, kiến quốc”, nêu rõ nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân lúc này là “củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân”. Tại Dương Quang, từ đầu năm 1945, cán bộ cách mạng đã đến xã tuyên truyền vận động nhân dân tham gia vào Hội Việt Minh. Được sự giác ngộ của cán bộ cách mạng Ủy ban lâm thời cách mạng hay Ủy ban Việt Minh lâm thời tiếp tục hoạt động do đồng chí Cao Thịnh Vực làm Chủ tịch, đồng chí Chu Kế Thức làm Thư ký, đồng chí Cao Thịnh Mậu làm Trung đội trưởng du kích, đồng chí Cao Thịnh Ngô làm Trung đội trưởng tự vệ¹.

Thực hiện Sắc lệnh số 51-SL ngày 17-10-1945 của Chủ tịch Hồ Chí Minh về bầu cử Quốc hội, dưới sự chỉ đạo của Châu bộ Việt Minh Bạch Thông, chính quyền cách mạng lâm thời xã khẩn trương chuẩn bị và tổ chức tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa của cuộc Tổng tuyển cử. Ngày 6-1-1946, cùng với cử tri cả nước, không phân biệt già trẻ, gái trai, những cử tri của xã Dương Quang đủ 18 tuổi trở lên đều tham gia bầu cử Quốc hội khóa I.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Dương Quang: *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Dương Quang (1945-2005)*. Tr. 42.

Tháng 3-1946, theo quyết định của cấp trên, hai xã Đôn Phong và Dương Quang (gồm xã Quang Thuận và Dương Quang ngày nay) hợp lại thành xã Phong Quang. Tháng 3-1946, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân trên địa bàn xã Phong Quang diễn ra thành công, đúng quy định. Trong kỳ họp đầu tiên Hội đồng nhân dân bầu ra các chức danh của Ủy ban hành chính xã gồm 7 đồng chí: đồng chí Cao Thịnh Vực (Bản Vén) là Chủ tịch, đồng chí Hà Sĩ Ngư (Nà Lốc) là Phó Chủ tịch, đồng chí Đặng Phúc Thao (Vằng Bó) là Phó Chủ tịch, đồng chí Lưu Kế Tuyên (Nà Vài) là Ủy viên Thư ký, đồng chí Trịnh Đình Tuân (Nà Rào) là Ủy viên, phụ trách quân sự. Cùng với công tác củng cố chính quyền, các tổ chức đoàn thể cũng được kiện toàn: Hội Việt Minh đồng chí La Sơn Lâm làm Chủ nhiệm, Hội Phụ nữ cứu quốc đồng chí Cao Thị Vui làm Bí thư, Hội Thanh niên cứu quốc đồng chí Nguyễn Duy Vụ là Bí thư, Hội Nông dân cứu quốc đồng chí Nguyễn Duy Kiên là Bí thư¹.

Trong phát triển kinh tế, được sự chỉ đạo của tỉnh, huyện, Ủy ban hành chính vận động nhân dân tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, thực hiện khẩu hiệu “Không một tấc đất bỏ hoang” do Huyện ủy Bạch Thông phát động, nhân dân Phong Quang tích cực khai hoang, mở rộng diện tích khai thác. Các tập tục tốt đẹp “văn nà”, “hót làng”, “làm mãi”² ngày càng phổ biến và khuyến

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Dương Quang: *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Dương Quang (1945-2005)*, Tr. 52.

2. Các hình thức đổi công phổ biến trong đồng bào dân tộc Tày, Nùng, gia đình nào không làm kịp thời vụ sẽ nhờ bà con hàng xóm đến làm giúp một vài buổi, chỉ mời cơm mà không tính công.

khích trong nhân dân, bà con giúp đỡ nhau về nhân công, trâu cày, gia đình nhiều ruộng chia sẻ cho gia đình ít ruộng. Ngoài cây lúa, đồng bào trồng thêm hoa màu ngắn ngày để đảm bảo lương thực. Do đó, tình hình sản xuất nông nghiệp được cải thiện, diện tích gieo trồng tăng lên, sản lượng lương thực cũng tăng lên so với trước. Đặc biệt, để giải quyết những khó khăn trước mắt của nhân dân, nhất là việc thiếu muối, chính quyền xã tiến hành khai thông các tuyến đường, cử người về miền xuôi mua các nhu yếu phẩm thiết yếu (mắm, muối, dầu, vải...) để cung cấp cho bà con. Từ đây đời sống nhân dân từng bước đi vào ổn định.

Để góp phần giải quyết khó khăn cấp bách về tài chính Quốc gia từ ngày 17-21/9/1945, hưởng ứng cuộc vận động “Quỹ vận động”, “Tuần lễ vàng”, chính quyền xã và các đoàn thể đã tổ chức mít tinh, tuyên truyền cho nhân dân thấy rõ việc đóng góp là hành động thiết thực: Hội Thanh niên cứu quốc hoạt động rất sôi nổi, tổ chức diễn kịch lấy tiền để lập Quỹ kháng chiến. Hội Nông dân cứu quốc phát huy tốt vai trò của mình trong việc tổ chức và vận động nông dân tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm. Qua vận động, nhân dân các dân tộc xã Phong Quang đã tham gia tích cực ủng hộ với nhiều hình thức đa dạng như: những người đi chợ ủng hộ tiền, khuyên tai, vòng tay, vòng cổ, nhẫn bằng bạc, bằng vàng cho Chính phủ, người ở nhà ủng hộ trâu, bò, lợn, gà...

Cùng với các biện pháp phát triển kinh tế, chính quyền cũng đặc biệt chú trọng tổ chức chỉ đạo nhân dân tiến hành diệt “giặc đói”, xây dựng đời sống mới, bài trừ

hủ tục lạc hậu do thực dân, phong kiến để lại. Thực hiện lời dạy của Hồ Chủ tịch: “Giặc đói, giặc dốt là bạn đồng minh của giặc ngoại xâm”, phong trào chống “giặc dốt” thu hút đông đảo nhân dân trong xã tham gia. Với phương châm “người biết chữ thì dạy cho người chưa biết chữ, người biết chữ nhiều thì dạy người biết chữ ít, vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ chưa biết thì con bảo”, nhiều người biết chữ đã tình nguyện xung phong làm chiến sĩ diệt giặc dốt. Để phong trào chống giặc dốt được thực hiện hiệu quả, huyện Bạch Thông tổ chức các buổi tập huấn cho các giáo viên tại Chợ Mới, Huyện Tụng rồi tỏa đi các thôn xã gây dựng và phát triển phong trào. Ban Bình dân học vụ xã được thành lập, giúp nhân dân trong xã xóa nạn mù chữ. Hàng loạt giáo viên được huấn luyện được cử vào các bản để củng cố và phát triển phong trào Bình dân học vụ. Các lớp học được tổ chức buổi trưa, buổi tối, nhân dân học viết chữ với nhiều hình thức đa dạng như: viết vào cột nhà, phen vách để nhân dân dễ nhận mặt chữ. Đặc biệt, Ban Bình dân học vụ tổ chức kiểm tra người biết chữ thông qua việc làm ở các phiên chợ Bắc Kạn như dựng “cổng mù”, viết lên đó câu, chữ, người đi chợ nếu không đọc được thì không được đi qua cổng. Sau phong trào, lớp học đầu tiên của xã ở Bản Giềng (nay thuộc xã Dương Quang) do ông Lưu Đình Tạ đứng lớp được hình thành, đến mùa thu năm 1946, xã tổ chức được 5 lớp học sau đó tổ chức kỳ thi và cấp giấy chứng nhận cho hàng chục người biết đọc, biết viết và biết làm 4 phép tính trở lên. Kết quả, cuối năm 1946 số người

thoát mù chữ đạt 11%, đây là kết quả bước đầu của hoạt động bình dân học vụ.

Thêm vào đó, phong trào xây dựng nếp sống văn hóa mới cũng được chú trọng, các hủ tục lạc hậu của chế độ cũ tại địa phương được xóa bỏ. Các tệ nạn cờ bạc, rượu chè, hút sách, ma chay, cưới hỏi... bị phê phán kịch liệt, thay vào đó là lối sống lành mạnh, vui tươi.

Từ tháng 6-1946, một số người con ưu tú của quê hương được vinh dự đứng trong hàng ngũ của Đảng, trở thành những đảng viên đầu tiên ở Phong Quang. Đó là các đồng chí: La Sơn Lâm (Phiêng Luông - thị xã Bắc Kạn), Hà Thiêm Mật¹ (thôn Nà Lốc - Quang Thuận), Bàn Văn Sinh (thôn Nà Hin - Quang Thuận), Nguyễn Duy Lành (bản Pè - Dương Phong), Ma Văn Tường (bản Mún - Dương Phong, được kết nạp ở Chi bộ Văn phòng Huyện ủy). Đến tháng 12-1946, nhận thấy công tác phát triển Đảng trên địa bàn xã có nhiều tiến bộ, Huyện ủy Bạch Thông ra quyết định thành lập Chi bộ Đảng xã Phong Quang gồm các đồng chí: Ma Văn Tường (Bí thư Chi bộ), Nguyễn Duy Lành, La Sơn Lâm, Hà Thiêm Mật, Nguyễn Duy Cầm, Hà Nhân Ngọc².

Sau khi Chi bộ Đảng được thành lập, dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng và chính quyền xã Phong Quang,

1. Đồng chí Hà Thiêm Mật, Bàn Văn Sinh là đảng viên đầu tiên của xã Quang Thuận.

2. Trong đó, đồng chí Nguyễn Duy Cầm là đảng viên xã Huyện Tụng, đồng chí Hà Nhân Ngọc là đảng viên xã Thanh Vận sinh hoạt ghép. Tham khảo cuốn "*Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Dương Quang (1945-2005)*", Tr. 56.

phong trào cách mạng trên địa bàn xã đạt được nhiều thành tích quan trọng: Cán bộ và nhân dân tích cực thực hiện ba cuộc vận động lớn của Đảng và Chính phủ phát động, chính quyền cách mạng từ xã đến các thôn được bảo vệ và ngày càng được củng cố vững mạnh, đảm bảo được những quyền lợi cơ bản, thiết thực của nhân dân bước đầu xây dựng cuộc sống tự do, dân chủ, lành mạnh, thể hiện rõ tính ưu việt của chế độ dân chủ nhân dân. Đó là những nền tảng vững chắc để cán bộ và nhân dân xã Phong Quang bước vào thời kỳ mới: Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

2. Kháng chiến chống thực dân Pháp, giải phóng quê hương (1947-1954)

Tháng 11-1946, quân Pháp mở rộng các cuộc tấn công chiếm đóng vào thành phố Hải Phòng, đổ bộ lên Đà Nẵng và gây nhiều cuộc khiêu khích, tàn sát đồng bào ta ở phố Yên Ninh - Hàng Bún (Hà Nội). Đồng thời, thực dân Pháp gửi tới hậu thư cho Chính phủ ta, đòi hỏi tước hết vũ khí của tự vệ Hà Nội, nhường quyền kiểm soát an ninh trật tự ở Thủ đô cho chúng. Trước tình hình đó, ngày 18 và 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại Vạn Phúc (Hà Đông) dưới sự chủ trì Chủ tịch Hồ Chí Minh đã quyết định phát động cuộc kháng chiến trong cả nước. Mệnh lệnh kháng chiến được phát đi vào lúc 20 giờ ngày 19-12-1946, quân và dân cả nước đồng loạt nổ súng. Rạng sáng ngày 20-12-1946, "*Lời kêu gọi Toàn quốc kháng chiến*" của Hồ Chủ tịch được phát đi trên Đài tiếng nói Việt Nam đã khẳng định quyết tâm: "Chúng ta thà hi sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước,

không chịu làm nô lệ”. Tiếp đó, Trung ương Đảng ra Chỉ thị: “Toàn dân kháng chiến”. Thực hiện Chỉ thị của Trung ương và lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đoàn kết một lòng, đồng tâm hiệp lực cùng đứng lên đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược.

Trước yêu cầu của sự nghiệp kháng chiến, việc xây dựng căn cứ địa cách mạng và hậu phương kháng chiến trở thành một vấn đề cấp bách. Với tầm nhìn chiến lược, ngay từ cuối năm 1945, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chọn vùng núi Việt Bắc mà trung tâm là Bắc Kạn, Thái Nguyên và Tuyên Quang để xây dựng căn cứ địa kháng chiến toàn quốc.

Bạch Thông là một huyện có vị trí chiến lược hết sức quan trọng, là cửa ngõ của chiến khu Việt Bắc. Chính vì thế, nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình, bước vào cuộc kháng chiến, huyện tập trung tổ chức lãnh đạo nhân dân các dân tộc tiến hành mọi mặt công tác chuẩn bị. Phong Quang là một xã lớn trong huyện, gần trung tâm tỉnh lỵ, lại có phong trào cách mạng phát triển mạnh mẽ nên nhiều đơn vị, cơ quan, xí nghiệp và nhân dân đã về đây tản cư. Cuối năm 1946 đầu năm 1947, trên địa bàn có Nhà máy Dược Hà Nội và bộ phận y tế của tỉnh Bắc Kạn chuyển về thôn Nà Lù, thôn Phiêng An có một bộ phận xí nghiệp quân giới. Ở thôn Nà Vài¹ có Xưởng in báo cứu quốc đặt tại khu đồi gần cầu Khuổi Bốc (Km8), xí nghiệp bào chế thuốc Trung ương và bộ phận vô tuyến điện của

1. Trong thời gian ngắn rồi chuyển sang khu vực khác.

Nha thông tin - phát thanh tuyên truyền của Trung ương¹. Trong suốt thời gian các cơ quan, xí nghiệp về tản cư tại địa phương, cán bộ và nhân dân trong xã đã hoàn thành tốt nhiệm vụ giúp đỡ nơi ăn ở, làm việc, lương thực, thực phẩm. Nhân dân trong xã còn lấy gỗ nứa làm nhà, bảo vệ cơ quan, xí nghiệp tham gia vào công việc vận chuyển tài liệu, đồ dùng các cơ quan, đảm bảo bí mật cho cán bộ và cơ sở vật chất của cơ quan hoạt động thuận lợi, khi có nhiệm vụ rút đi sẽ an toàn². Bên cạnh đó, nhân dân trong xã còn tham gia vào lực lượng trung đoàn Bắc Thái, phát động nhân dân ủng hộ của cải cho lực lượng tự vệ. Xã đã thành lập được một trung đội tự vệ gồm 3 tiểu đội với khoảng 40 người, được trang bị một số súng, còn phần lớn chủ yếu là vũ khí thô sơ, tự chế, được huấn luyện quân sự, tập đánh trận giả trên đường giao thông.

Với âm mưu giành thắng lợi quyết định, sớm chấm dứt chiến tranh xâm lược bằng chiến lược “đánh nhanh thắng nhanh”, từ giữa năm 1947, Bộ Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương ráo riết chuẩn bị kế hoạch tiến công lên Việt Bắc nhằm mục đích phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, triệt phá căn cứ địa Việt Bắc, tiêu diệt phần lớn bộ đội chủ lực của ta, khóa chặt biên giới Việt - Trung, ngăn chặn sự liên lạc của ta với quốc tế. Ngày 7-10-1947, thực dân Pháp mở cuộc tiến công quy mô lớn lên Việt

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Dương Quang: *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Dương Quang (1945-2005)*, tr. 58.

2. Khi thực dân Pháp cho quân nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn, các cơ quan này được di tản về Định Hóa (Thái Nguyên).

Bắc. Một bộ phận quân nhảy dù xuống Chợ Đồn, Chợ Mới, Bắc Kạn. Một binh đoàn bộ binh tiến lên Cao Bằng, sau đó theo đường số 3 xuống Bắc Kạn tạo thành gọng kìm kẹp mặt sau Việt Bắc.

Thực hiện chỉ đạo của cấp trên, nhằm đề phòng quân Pháp nhảy dù, lực lượng dân quân, tự vệ, du kích và nhân dân xã Phong Quang tích cực chuẩn bị tốt về mọi mặt: Tổ chức xây dựng các vọng tiêu cảnh giới, đào công sự, hố cá nhân tác chiến ở ven các cánh đồng lớn, khu đồi bãi rộng; Tham gia vót công để xây dựng các bãi công chống quân nhảy dù; Tích cực tham gia tiêu thổ kháng chiến và vận chuyển lương thực, thực phẩm vào sâu trong rừng núi, các hang động để thực hiện “vườn không nhà trống”, thực hiện khẩu hiệu “ba không”¹.

Xã Phong Quang nằm án ngữ trên tỉnh lộ 257 nối từ thị xã Bắc Kạn vào Chợ Đồn, cách thị xã Bắc Kạn 10km, vì vậy, mặc dù không bị thực dân Pháp chiếm đóng, nhưng địa bàn xã cũng phải hứng chịu nhiều trận càn của địch. Tháng 10-1947, chúng hành quân sang Chợ Đồn, trên đường qua khu vực Boóc Khún, chúng đã bắt bà Nguyễn Thị Bình và bắn chết một con trâu của người dân². Ngày 20-10-1947, trong một đợt càn quét qua khu vực Km8 (cầu Khuổi Bốc), quân Pháp đã bắt và giết tại chỗ đồng chí Hà Lưu Quy khi đang làm nhiệm vụ liên lạc³, bắn chết

1. Ba không: Không nghe, không nói, không thấy.

2. Sau khi điều tra xác minh bà Bình không phải cán bộ cách mạng nên chúng thả bà về.

3. Đồng chí Hà Lưu Quy là chiến sỹ cách mạng đầu tiên của xã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Hiện

ông Vương Văn Lưu, bắt ông Hoàng Văn Độ về giam giữ ở Chợ Đồn. Man rợ hơn, quân Pháp còn đốt, phá nhà dân trên địa bàn xã (trong xã lúc này chỉ còn vài nóc nhà là không bị đốt). Nhân dân các thôn Nà Liù, Nà Lốc, Nà Thoi phải sơ tán vào rừng sâu làm lều lán ở tạm, đuôi trâu bò vào thung lũng để tránh bị giết hại.

Nhằm đối phó với các cuộc hành quân càn quét của địch và kịp thời báo động cho cán bộ, nhân dân biết, Chi bộ Đảng và chính quyền xã chỉ đạo lực lượng du kích dựng 2 vọng gác tại hai địa bàn: Km7 (thôn Nà Liù) và Km14 (thôn Nà Đình). Lực lượng dân quân, du kích của xã kết hợp với các đơn vị bộ đội tổ chức chặn đánh địch quyết liệt ở Km7 (Nà Vài), Km13 (Nà Đình) để chặn đường tiếp tế, cô lập quân Pháp ở Chợ Đồn. Nhân dân còn tích cực thực hiện “vườn không nhà trống”, “tiêu thổ kháng chiến”, bất hợp tác với quân Pháp. Đến tháng 11-1947, quân Pháp phải rút khỏi Chợ Đồn, sau đó một vùng tự do rộng lớn được hình thành từ địa phận xã Phong Quang, Chợ Rã, Chợ Đồn, Thanh Mai, Mai Lạp đến Định Hóa (Thái Nguyên). Tuy vậy, địa bàn xã Phong Quang vẫn nằm trong tầm tiến công của bộ binh, pháo binh địch tại thị xã Bắc Kạn, do vậy, Chi bộ và chính quyền xã chưa nhân dân trở lại quê cũ.

Cuối năm 1948 đầu năm 1949, chuẩn bị cho cuộc tiến công giải phóng thị xã Bắc Kạn, chính quyền xã nhiều đợt huy động nhân dân đi gánh gạo, muối về dự trữ. Từng

nay, tại khu vực cầu Khuổi Bốc, Đảng bộ, chính quyền xã Quang Thuận đã chỉ đạo xây dựng bia tưởng niệm để ghi dấu sự kiện này.

đoàn 15-20 người qua Kéo Lìu, Khau Pù sang Nà Đỉnh rồi nghỉ đêm ở Roỏng Tùm (Thanh Mai). Hôm sau xuống Pác San (xã Quảng Chu) nhận muối, gạo. Hàng chục tấn gạo, hàng hóa được vận chuyển về lán dân dự trữ. Bên cạnh đó, thực hiện tinh thần “tất cả vì kháng chiến”, bà con trong xã thực hiện “quỹ cấp dưỡng cho bộ đội” ủng hộ lúa, gạo, trâu, lợn cho bộ đội và kháng chiến.

Sau thất bại nặng nề trên đường số 3, ngày 9-8-1949, Pháp buộc phải rút quân khỏi thị xã Bắc Kạn. Đến cuối năm 1949, toàn bộ quân Pháp rút khỏi tỉnh Bắc Kạn. Sau khi tỉnh Bắc Kạn hoàn toàn giải phóng, Chi bộ và chính quyền xã vận động nhân dân trở về quê hương khôi phục sản xuất.

Lúc này, trên địa bàn xã gặp rất nhiều khó khăn, tình trạng thiếu sức kéo, thiếu giống để sản xuất, thời tiết khắc nghiệt đã ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Suốt các cánh đồng Nà Đỉnh, Nà Vài đến Nà Lốc đều bỏ hoang. Đứng trước những khó khăn đó, thực hiện chủ trương “đẩy mạnh sản xuất theo hướng tự cấp” của Trung ương Đảng, Chi bộ và chính quyền xã Phong Quang tích cực vận động bà con vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, tích cực sản xuất để tự túc lương thực và đóng góp cho kháng chiến. Nhân dân các vùng ven đường giao thông tổ chức cày cấy vào ban đêm để tránh quân địch, nhân dân sống ở các lán trong rừng, ngoài tranh thủ làm ruộng, các hộ đều làm nương rẫy trồng lạc, ngô, khoai, sắn, vừng, đỗ và chăn nuôi lợn, gà. Sau khi được thu hoạch nhân dân vượt núi đi chợ Thanh Mai, Tùm Tó (Chợ Đồn) để bán nông sản, mua dầu, muối và những thứ cần thiết. Dân quân và

du kích trong xã được giao nhiệm vụ bảo vệ ruộng đồng, bảo vệ sản xuất. Nhờ vậy, tình hình sản xuất được cải thiện, sản lượng và năng suất tăng lên, đời sống nhân dân tạm ổn định.

Mùa thu năm 1948, hưởng ứng và thực hiện phong trào “thi đua ái quốc” do Hồ Chủ tịch kêu gọi, Chi bộ và chính quyền xã Phong Quang tổ chức lớp học 5 ngày tại Bản Mún, đồng thời bàn kế hoạch và phát động phong trào thi đua trong toàn xã với mục tiêu: sản xuất nhiều lương thực, tích cực ủng hộ kháng chiến, nhanh chóng thanh toán nạn mù chữ. Tại mỗi điểm tản cư, năm ba hộ mở một lớp bình dân học vụ để thanh toán nạn mù chữ¹. Cùng với nâng cao trình độ văn hóa, công tác y tế cũng được chú trọng, chính quyền xã tổ chức phát thuốc cho người dân, đồng thời tích cực tuyên truyền các phương pháp vệ sinh phòng bệnh. Nhờ đó một số dịch bệnh được ngăn chặn kịp thời, tỷ lệ tử vong do bệnh giảm xuống.

Sau những thất bại liên tiếp ở các chiến lược, chiến dịch đã kéo thực dân Pháp lâm vào thế bị động. Để cứu vãn tình thế, ngăn chặn sự chi viện của nhân dân ta cho chiến trường, thực dân Pháp liên tục cho máy bay bắn phá các trục đường giao thông, trong đó có đường số 3 - con đường có vị trí chiến lược quan trọng, nối khu căn cứ địa Việt Bắc với các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ và Liên khu 4.

Theo sự chỉ đạo của cấp trên, Chi bộ và chính quyền xã chỉ đạo nhân dân thực hiện “tiêu thổ kháng chiến” để

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Dương Quang: *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Dương Quang (1945-2005)*, Tr. 68.

bao vây kinh tế, làm cô lập, quấy rối địch. Ban Phá hoại xã được thành lập đã vận động bà con đóng góp hàng trăm ngày công để tham gia phá hoại đường số 3, đường 258 (Phủ Thông - Chợ Rã), đường 257 (Bắc Kạn - Chợ Đồn), cùng với nhân dân trong huyện tham gia đào hàng nghìn hố cản xe tăng và ô tô, phá cầu cống. Lực lượng dân công và thanh niên còn được huy động tham gia “Chiến dịch cầu đường”, lấy gỗ làm cầu, lấp các hố trên mặt đường. Sau khi Pháp bắn phá cầu phà, ô tô phải lội sông qua phà. Lực lượng dân công xã làm cơ sở đóng phà đêm đêm đưa ô tô qua sông, cử người thay nhau canh gác, ra đường san lấp hố bom, đảm bảo cho đường được thông suốt. Tích cực vận chuyển hàng hóa từ ô tô vào các kho trung chuyển dọc đường. Quân du kích còn làm nhiệm vụ dẫn đường bộ đội ra các mỏ mìn gần thị xã để quan sát quân Pháp đóng trong đó.

Bên cạnh đó, trung đội dân quân, du kích trong xã được sắp xếp, kiện toàn lại theo hướng nâng cao chất lượng, tăng cường huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm đủ khả năng tác chiến, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Lực lượng dân quân, du kích thường kết hợp với bộ đội chủ lực đóng trên địa bàn như Đại đội 653, Tiểu đoàn 39, Tiểu đoàn 55, Trung đoàn 72, Đại đội Ba Bể ra các mỏ mìn thị xã, luân qua các cánh đồng, soi bãi để quan sát địa hình, vẽ sơ đồ, theo dõi tình hình địch để đánh vào thị xã. Đêm đêm, dân quân, bộ đội nổ súng vào thị xã để quấy rối địch, làm cho địch lo sợ ăn không ngon, ngủ không yên. Chiến thắng của chiến dịch đường số 3, trận đèo Giàng, trận Chợ Mới, đặc biệt là chiến thắng Phủ

Thông, có sự đóng góp không nhỏ của nhân dân xã Phong Quang, trong đó có Quang Thuận ngày nay.

Trên lĩnh vực kinh tế, quán triệt chủ trương xây dựng nền kinh tế kháng chiến với hai nguyên tắc: “Vừa kháng chiến vừa kiến quốc và tự cung tự cấp về mọi mặt”, sau khi thực dân Pháp rút khỏi Bắc Kạn, Chi bộ, chính quyền nhân dân xã Phong Quang vận động nhân dân đẩy mạnh khai hoang, phục hóa “tăng gia sản xuất cứu đói và toàn dân canh tác”. Nhân dân xã tích cực làm nương, phai, phục hóa ruộng vườn, tăng gia sản xuất với phương châm tận dụng mọi khả năng về giống, vốn, sức kéo, tranh thủ giúp đỡ các xã bạn, khai hoang, phục hóa đến đâu, trồng cây ngay đến đó. Phong Quang được huyện Bạch Thông chọn là nơi thí điểm thu thuế nông nghiệp, cán bộ xã tích cực cùng nhân dân đo ruộng, bình diện tích, sản lượng để đảm bảo công bằng trong đóng góp của nhân dân. Đặc biệt, xã còn thành lập quỹ tín dụng do đồng chí Hà Sĩ Lô phụ trách, vận động nhân dân đóng tiền vào quỹ tín dụng. Quỹ đã giúp cho nhiều hộ mua sắm trâu cày, nông cụ, thóc giống và hỗ trợ lương thực để nhân dân vượt qua khó khăn ban đầu, khôi phục phát triển kinh tế. Vụ mùa 1950, tuy trên địa bàn xã có xảy ra mưa lũ khá lớn nhưng hoạt động sản xuất nông nghiệp vẫn được duy trì, diện tích gieo trồng vượt mức kế hoạch 10%, sản lượng lương thực, thực phẩm tăng lên, tình trạng thiếu đói vào vụ giáp hạt giảm dần. Phong trào mua công trái Quốc gia, nộp đảm phụ quốc phòng được nhân dân hưởng ứng.

Bên cạnh chăm lo ổn định tình hình sản xuất, Chi bộ cũng chú trọng đến củng cố tổ chức Đảng. Năm 1948,

vì giết hại nhằm đồng chí Nguyễn Văn Khâm là công an mật, đồng chí Ma Văn Tường (Bí thư Chi bộ), đồng chí Hà Sĩ Ngư (Phó Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính) bị kỷ luật¹. Chi bộ xã Phong Quang được kiện toàn lại, đồng chí Nguyễn Duy Kiên là Bí thư Chi bộ, đồng chí Hà Văn Sầu là Phó Bí thư Chi bộ, đồng chí Hoàng Văn Đạt là Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính, đồng chí Lâm Văn Phó là Phó Chủ tịch Ủy ban.

Hội đồng nhân dân xã được kiện toàn lại đội ngũ, tổ chức bầu cử các chức danh có đủ các thành phần giai cấp, dân tộc, từng bước thay thế những cá nhân kém về năng lực, sức khỏe bằng những người có năng lực, phẩm chất tốt hơn. Tuy nhiên, hoạt động của Hội đồng nhân dân không đều, không duy trì thường xuyên, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện phải lập kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn cho thành viên Hội đồng nhân dân xã Phong Quang về nhiệm vụ, quyền hạn và phương pháp hoạt động của Hội đồng nhân dân, của hội viên.

Ban Công an xã cũng được thành lập, từng bước củng cố, kiện toàn, bồi dưỡng nâng cao năng lực hoạt động kiểm tra, giám sát mọi hoạt động an ninh trật tự trên địa bàn đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, kịp thời ngăn chặn, xử lý các hoạt động sai trái, các hành vi của những phần tử thoái hóa biến chất

Về tình hình giáo dục, các lớp bình dân học vụ được tổ chức rộng rãi, mở các kì thi để cấp giấy chứng nhận

1. Đồng chí Ma Văn Tường bị khai trừ ra khỏi Đảng, đến ngày 30-01-1964 đồng chí được kết nạp lại. Tham khảo cuốn “*Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Dương Quang (1945-2005)*”, tr.73.

thoát nạn mù chữ. Năm 1950, thôn Nà Thoi đã mở lớp học đầu tiên do thầy giáo Lê Văn Thìn dạy. Văn hóa xã hội tiếp tục được quan tâm, việc cưới xin được tổ chức đơn giản, việc tang hiếu không mời thầy Tào đưa tang, không có tệ nạn cờ bạc, trộm cắp, nghiện hút thuốc phiện. Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được triển khai có hiệu quả. Các phong trào “Ăn chín uống sôi”, “Vệ sinh thôn quê”, “Sạch làng tốt ruộng” được triển khai rộng rãi.

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc phân lập các xã phù hợp với trình độ và khả năng quản lý của cán bộ trong thời kỳ mới. Ngày 1-8-1953, tại nhà cụ Hà Văn Mèo (thôn Nà Di, xã Dương Quang ngày nay), Hội đồng nhân dân xã Phong Quang đã họp lần cuối và thực hiện tách xã Phong Quang thành 4 xã: Đình Phùng (Dương Quang), Minh Khai (Đôn Phong), Thanh Phong (Dương Phong), Hồng Phong (Quang Thuận)¹.

Nhằm tạo sự thống nhất trong tổ chức và hành động. Tổ chức Đảng ở cơ sở cũng được kiện toàn lại. Năm 1953, Chi bộ Đảng xã Hồng Phong được thành lập với 4 đảng viên là các đồng chí: Hoàng Văn Đức, Hà Thiêm Mật, Phùng Văn Sam, Lưu Kế Tuyên. Đồng chí Hoàng Văn Đức được bầu là Bí thư Chi bộ kiêm Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính xã.

Sau khi thành lập, Chi bộ Đảng và chính quyền xã Hồng Phong tiếp tục lãnh đạo nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Thực hiện vai trò hậu phương

1. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Dương Quang: *Lịch sử đấu tranh cách mạng của Đảng bộ và nhân dân xã Dương Quang (1945-2005)*, tr.78.

kháng chiến, nhân dân trong xã đã tích cực tăng gia sản xuất để đóng góp cho cách mạng. Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, từ cuối năm 1953, xã đã cử nhiều người tham gia các lực lượng dân công phục vụ công tác bảo vệ đường số 3, vận chuyển lương thực, thực phẩm, vũ khí cho các chiến dịch, đặc biệt là chiến dịch Điện Biên Phủ. Đồng thời, xã cũng huy động nhiều thanh niên lên đường nhập ngũ, tham gia chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Những đóng góp đó của nhân dân Hồng Phong đã góp phần cùng quân dân cả nước làm nên trận Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, đánh thắng thực dân Pháp xâm lược.

Qua 9 năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954), Chi bộ Đảng xã Phong Quang (năm 1953, Chi bộ Đảng xã Hồng Phong được thành lập) cùng nhân dân đóng góp tích cực vào thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trải qua những năm tháng khó khăn, gian khổ đã tôi luyện phẩm chất đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên trong xã, đồng thời củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân vào đường lối lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chính phủ. Phần khởi về những trang sử hào hùng của quê hương dưới sự lãnh đạo của Chi bộ Đảng, cán bộ, đảng viên và nhân dân Hồng Phong tiếp tục phấn đấu vươn lên hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới: thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất đất nước (1954-1975).

Chương III

CHI BỘ ĐẢNG LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN GÓP SỨC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC, CHI VIỆN CHO TIỀN TUYẾN MIỀN NAM, ĐẤU TRANH THỐNG NHẤT NƯỚC NHÀ (1954-1975)

I. NHÂN DÂN QUANG THUẬN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ SAU CHIẾN TRANH; BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1954-1965)

1. Khôi phục kinh tế, ổn định đời sống (1954-1957)

Chiến thắng Điện Biên Phủ thắng lợi buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ (ngày 21-7-1954) về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ đã đưa sự nghiệp cách mạng nước ta chuyển sang một thời kỳ mới - thời kỳ tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân ở miền Nam.

Tháng 9-1954, Bộ Chính trị họp và đề ra nhiệm vụ: Trong một thời gian nhất định, nhiệm vụ chung của Đảng ta là đoàn kết và lãnh đạo nhân dân đấu tranh thực hiện hiệp định đình chiến... ra sức hoàn thành cải cách ruộng đất, phục hồi và đẩy mạnh sản xuất, tăng cường xây dựng

quân đội nhân dân để củng cố miền Bắc, giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh chính trị để giải phóng miền Nam nhằm củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập dân tộc, dân chủ trong toàn quốc. Bộ Chính trị còn chỉ rõ: “Sau đình chiến, chúng ta đứng trước nhiệm vụ lớn trong công tác kinh tế là hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân, giảm bớt những khó khăn về đời sống cho nhân dân”.

Cuối năm 1954, thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, Chi bộ xã Hồng Phong tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1954-1955. Đại hội đã tổng kết lại quá trình hơn 1 năm lãnh đạo phong trào cách mạng trong xã, đồng thời đề ra phương hướng, mục tiêu cho nhiệm kỳ mới là: hoàn thành công tác giảm tô, tổ chức tốt cải cách ruộng đất, lãnh đạo nhân dân khôi phục và phát triển các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, đảm bảo tốt an ninh - quốc phòng.

Tiếp đó, cuối năm 1955, Chi bộ tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1956-1957. Đại hội đã kế thừa và bổ sung mục tiêu và nhiệm vụ của Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ năm 1954-1955, khẳng định quyết tâm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ hợp tác hóa nông nghiệp và đóng góp sức người sức của cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Đại hội nhiệm kỳ 1954-1955 bầu đồng chí Hoàng Văn Đức là Bí thư Chi bộ kiêm Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1956-1957 bầu đồng chí Phùng Văn Sam làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hà Thiêm Mạn làm Phó Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy, bước vào thực hiện nhiệm vụ của nhiệm kỳ mới, chi bộ và chính quyền xã

tiếp tục thực hiện giảm tô. Thông qua các đợt phát động, hàng trăm món tô, tức được thanh toán hoặc xóa bỏ. Đến hết năm 1955, xã hoàn thành công cuộc giảm tô, giảm tức.

Nhằm xóa bỏ hoàn toàn quyền chiếm hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ phong kiến, thực hiện khẩu hiệu “người cày có ruộng”, tháng 3-1955, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 7, quyết định tiến hành cải cách ruộng đất. Đầu năm 1956, Đội cải cách ruộng đất về địa bàn xã Hồng Phong, đã quy địa chủ là ông Hà Thiêm Mật, phú nông là ông Lưu Đình Côn. Đội tiến hành quy thành phần nhưng không tịch thu tài sản, ruộng đất, trâu bò.

Tuy nhiên, do không nắm vững những biến đổi ở nông thôn miền Bắc sau Cách mạng Tháng Tám và trong kháng chiến; đánh giá quá cao thế lực của địa chủ miền Bắc, đánh giá thấp lực lượng cách mạng ở nông thôn, nhất là những vùng căn cứ địa, vùng tự do, khu du kích trong vùng địch hậu nên trong chỉ đạo đã mở rộng quá mức đối tượng đấu tranh, quy sai và xử lý oan một bộ phận cán bộ, đảng viên, trung nông và một số thân hào yêu nước, làm cho lực lượng cách mạng vùng nông thôn bị tổn thất khá nặng. Một số đảng viên bị xử lý, khai trừ ra khỏi Đảng, thậm chí bị quy là tay sai, phản động chỉ vì một vài khuyết điểm trong sinh hoạt hoặc một lời nói thiếu thận trọng, một số bị bắt giam, một số cán bộ, đảng viên bị bãi chức.

Sau khi phát hiện sai lầm cuối năm 1956, Trung ương ra kế hoạch sửa sai trong cải cách ruộng đất thông qua Chỉ thị 47-CT/TW và Nghị quyết Hội nghị lần thứ 10 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II). Ngày 21-11-1956,

Đảng bộ huyện Bạch Thông tổ chức Hội nghị học tập chính sách sửa sai, sau đó huyện cử đội sửa sai xuống các xã phối hợp với Chi bộ, chính quyền và đoàn thể đến từng hộ, nhóm hộ gia đình để giải thích và động viên. Ở xã Hồng Phong, sau khi thực hiện sửa sai, đồng chí Hà Thiêm Mận được hạ thành phần là trung nông lớp trên, được trở lại công tác và phục hồi Đảng tịch. Nhìn chung, sau cải cách ruộng đất địa phương không có địa chủ, xã không có tình trạng người chiếm dụng ruộng đất, bóc lột nhân công nên cũng không có việc chia ruộng đất; mâu thuẫn, căng thẳng trong địa phương không phức tạp.

Sau cải cách ruộng đất và thực hiện sửa sai, Chi bộ Đảng ra sức động viên nhân dân ổn định tình hình địa phương, đẩy mạnh khôi phục sản xuất nông nghiệp. Năm 1955, Chi hội phân công đồng chí Bí thư Nông hội đi dự Hội nghị đổi công toàn miền Bắc tổ chức tại Hà Nội để học tập chủ trương, kinh nghiệm xây dựng tổ đổi công, tiến tới xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Sau khi tổ chức cho nhân dân học tập chủ trương xây dựng tổ đổi công, từ cuối năm 1957, Chi bộ và chính quyền xã bắt đầu thành lập các tổ đổi công giúp bà con nhân dân hỗ trợ nhau trong sản xuất nông nghiệp. Nhờ có đổi công, nông dân phát huy, sử dụng sức lao động hợp lý hơn trong mọi hoạt động sản xuất nông nghiệp và đời sống hàng ngày.

Để hoạt động sản xuất đi vào ổn định, chính quyền hướng dẫn nhân dân tiếp tục thực hiện chính sách thuế nông nghiệp, đảm bảo dân chủ, công bằng hơn. Xã tổ chức cho nông dân bình xét lại diện tích, sản lượng các thửa ruộng. Ruộng được chia làm 10 loại phân theo

hạng sản lượng như: loại 1 là 12 gánh/bung¹, loại 10 là 3 gánh/bung... Bên cạnh đó, Nông hội tổ chức cho nông dân học 10 điều chính sách khuyến khích sản xuất: khai hoang, phục hóa, tăng vụ lúa, màu, phân bón, tăng năng suất không phải nộp thêm thuế, tổ chức làm mẫu kỹ thuật ngâm mạ giống, hồ phân rã mạ trước khi ra đồng cấy, cấy nhỏ dành. Công tác thủy lợi cũng được chú trọng, Chi bộ, chính quyền xã chỉ đạo nhân dân tập trung trùng tu mương máng, đào đắp các khe suối nhằm điều tiết nguồn nước tưới tiêu trong sản xuất. Giống lúa Nam Ninh được trồng rộng rãi trong nhân dân và cho thu hoạch khá nên đời sống người dân dần ổn định. Bên cạnh trồng lúa, nhân dân Hồng Phong còn trồng thêm các loại cây lương thực khác như ngô, khoai, sắn,... góp phần cải thiện đời sống của nhân dân. Về chăn nuôi, chính quyền xã chỉ đạo nhân dân đẩy mạnh hoạt động chăn nuôi, chú trọng xây dựng chuồng trại. Chăn nuôi gia súc, gia cầm phát triển không chỉ đảm bảo sức kéo và phân bón cho sản xuất, mà còn góp phần cải thiện bữa ăn cho người dân.

Bên cạnh việc phát triển kinh tế, chính quyền xã Hồng Phong cũng chú trọng phát triển kinh tế - xã hội. Lớp vỡ lòng được xây dựng, duy trì và phát triển, giáo viên dạy những lớp này do dân cử ra, chế độ phụ cấp do nhân dân chi trả. Cùng với lớp vỡ lòng, giáo dục phổ thông, phong trào học bổ túc văn hóa và xóa nạn mù chữ được duy trì và phát triển.

Trải qua những năm tháng chiến tranh, hòa bình lập lại, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, xây dựng nếp sống

1. Một gánh thóc là 30kg; 1 bung = 1.000m²

mới có điều kiện phát triển như xem chiếu bóng và văn nghệ. Đầu năm 1954, lần đầu tiên nhân dân trong xã được xem chiếu bóng ở thị xã Bắc Kạn. Những năm sau, đội văn nghệ trong xã tổ chức đưa máy về chiếu phim ở xã. Cùng với chiếu bóng, dân làng còn được xem phim đèn chiếu (ảo đăng) do đội lưu động đưa đến các bản phục vụ. Người dân được thưởng thức các buổi chiếu phim, các đoàn văn công biểu diễn ca hát, kịch nhạc, xiếc, các loại hình văn nghệ - thể thao khác. Thanh niên, học sinh trong xã cũng tổ chức bóng đá, ca hát vào các dịp lễ, kỷ niệm hàng năm. Bên cạnh đó, thầy cúng, thầy mo được chính quyền xã đưa đi học chủ trương chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ trương xây dựng nếp sống mới, bài trừ mê tín dị đoan. Vì vậy, việc cúng bái và ma to cưới lớn đã giảm nhiều, đám cưới chỉ tổ chức đơn giản, đám ma không cần thầy cúng đưa tang, không tổ chức linh đình.

Lực lượng công an được củng cố, công an xã cũng được tăng cường phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể như Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên và lực lượng dân quân để thường xuyên tổ chức các hoạt động tuần tra, bảo vệ mùa màng. Từ đó, tình hình đời sống an ninh xã hội ổn định, nhân dân giữ vững lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Lực lượng dân quân, du kích được kiện toàn, chuyển từ nhiệm vụ chiến đấu sang nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và bảo vệ công cuộc lao động hòa bình của nhân dân. Cấp ủy, chính quyền xã tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tổ chức học tập đường lối, chủ trương của Đảng trong tình hình mới. Tăng cường huấn luyện, luyện tập quân sự.

Công tác tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể được củng cố thông qua phong trào giảm tô, sửa sai đã và đang từng bước kiện toàn. Một số quần chúng ưu tú qua đấu tranh, rèn luyện đã được kết nạp vào Đảng, góp phần đưa phong trào cách mạng của xã ngày càng phát triển.

Sau 3 năm (1954-1957), vượt qua mọi khó khăn, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Hồng Phong đạt được nhiều kết quả tích cực về mọi mặt: mô hình sản xuất hợp tác xã được mở rộng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, hoàn thành cải cách dân chủ, từng bước xác lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Nhờ đó, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân xã Hồng Phong từng bước được cải thiện. Chính quyền, công an, lực lượng dân quân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được củng cố, kiện toàn, đi vào hoạt động ổn định; hoạt động sản xuất của nhân dân được tổ chức có quy củ, nề nếp, không để xảy ra nạn đói trong nhân dân, góp phần đưa đời sống của nhân dân đi vào ổn định.

2. Thực hiện kế hoạch 3 năm cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu phát triển kinh tế văn hóa - xã hội (1958-1960)

Tháng 11-1958, Hội nghị lần thứ 14 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) được tổ chức. Hội nghị chủ trương bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa trong 3 năm (1958-1960) và cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với thành phần kinh tế cá thể nông thôn, thợ thủ công và thành phần kinh tế tư bản, tư doanh, đồng thời ra sức phát triển kinh tế quốc doanh - lực lượng lãnh đạo toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Tiếp đó, tháng 4-1959, Hội nghị Ban

Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 16 thông qua Nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp, xác định hình thức và bước đi của hợp tác xã: Hợp tác hóa đi trước cơ giới hóa, hợp tác hóa phải đi đôi với thủy lợi hóa, tổ chức lại lao động để phát huy tính ưu việt và sức mạnh của tập thể. Hội nghị chỉ ra ba nguyên tắc cần quán triệt trong quá trình xây dựng hợp tác xã là tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ.

Thực hiện chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, năm 1958, Chi bộ xã Hồng Phong tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1958-1960, trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được của nhiệm kỳ trước, Đại hội đề ra những nhiệm vụ quan trọng trong nhiệm kỳ mới: Cần phải đưa nhân dân vào con đường làm ăn tập thể xã hội chủ nghĩa thực sự, tập trung vào xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, coi đây là nhiệm vụ then chốt trong xây dựng quê hương. Đại hội bầu đồng chí Phùng Văn Sam¹ làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hà Thiêm Mật làm Phó Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Phong trào xây dựng tổ đổi công tiếp tục được đẩy mạnh thực hiện. Chính quyền xã đã huy động lực lượng đoàn viên, thanh niên, cán bộ thể hiện vai trò nòng cốt, xung kích trong cuộc vận động xây dựng tổ đổi công tại địa phương. Năm 1957, xã Hồng Phong xây dựng được tổ đổi công đầu tiên, sang năm 1958, xã đã xây dựng được 6 tổ đổi công, mỗi tổ có 3-5 hộ gia đình. Ban đầu các tổ đổi công hoạt động đơn giản, chỉ là sự trao đổi tương trợ

1. Từ năm 1959, đồng chí Lưu Kế Tuyên thay đồng chí Phùng Văn Sam làm Bí thư Chi bộ.

lẫn nhau của những người cùng hoàn cảnh, cùng điều kiện với ý nghĩa “Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại lên hòn núi cao”, các gia đình trong tổ đổi công với tinh thần đoàn kết, vui vẻ, thi đua làm, thi đua học đã giúp đỡ nhau trong các việc cày ải, bừa kỹ, bắt hết sâu, làm sạch cỏ, bón nhiều phân, đắp thêm phai. Do tự nguyện, công khai, cơ chế đơn giản nên việc điều hành rất “dân chủ” mọi người đều được tham gia bàn bạc, quyết định nhất trí từ tất cả các việc.

Phong trào tổ đổi công có tác dụng lớn thúc đẩy sản xuất, xây dựng nông thôn nhất là trong hoàn cảnh chúng ta phải làm một số việc sửa sai sau cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, tạo thuận lợi cho việc xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp. Sau khi thành lập được các hợp tác xã nông nghiệp, chính quyền tổ chức học tập, qua học tập nhân dân đều tự nguyện đưa trâu, ruộng đất vào làm ăn tập thể. Ruộng đất và trâu bò nông cụ được “tập thể hoá”, ruộng được hưởng hoa lợi 10%/3 năm, kế hoạch sản xuất được tập trung vào cho “Ban Quản trị” điều hành, sản phẩm làm ra sau khi nộp thuế và “làm các nghĩa vụ ăn chia cho xã viên theo lao động đã đóng góp”.

Sau thành công của các tổ đổi công. Xã Hồng Phong bắt tay vào xây dựng hợp tác xã, để thực hiện hiệu quả, chính quyền xã phát động sâu rộng trong quần chúng, tổ chức cho nông dân học tập chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, giải thích cho dân hiểu các nguyên tắc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Trong quá trình đó, Chi bộ Đảng tổ chức cho nông dân tự nguyện đóng góp ruộng đất, nông cụ, trâu bò.... thành tài sản chung của hợp tác xã.

Sau khi tổ chức học tập và vận động nhân dân tham gia hợp tác xã, đến năm 1959, xã Hồng Phong đã thành lập được 2 hợp tác xã: Hợp tác xã Là Lốc và Nà Thoi, thu hút gần 100% số hộ vào hợp tác xã. Hợp tác xã Nà Lốc (gồm các bản Nà Kha, Khuổi Pjầu, Nà Vài, Nà Lặng) do ông Hà Sỹ Ngự làm Chủ nhiệm và Hợp tác xã Nà Thoi (Boóc Khún, Nà Đỉnh, Nà Chạp) do ông Lộc Văn Thông làm Chủ nhiệm. Bước sang năm 1960, theo chủ trương của Nhà nước vận động đồng bào người Dao “hạ sơn” xuống vùng thấp làm ruộng, sống định cư, tập trung để thuận tiện cho công tác quản lý, xã thành lập thêm Hợp tác xã Nà Hin do ông Bàn Đức Dạng làm Chủ nhiệm.

Khi chưa có mức lao động sản xuất từng công việc, các xã viên phải thực hiện bình công chấm điểm sau mỗi buổi làm việc. Sau này được tỉnh, huyện hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các Ban Quản trị, đội sản xuất, nhờ vậy phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc, các định mức lao động, ăn chia phân phối dần dần vào nền nếp, công bằng hơn, chấm dứt bình công chấm điểm. Hợp tác xã tích cực làm thủy lợi, xây dựng và sửa chữa nương, phai, lốc, làm bờ ruộng, bờ thửa, làm nhà kho, tu sửa đường xá, làm hội trường hợp tác xã.

Các hợp tác xã Hồng Phong ra đời là kết quả của việc thi hành hiệu quả những chủ trương, đường lối của Đảng và Chính phủ về hợp tác hóa nông nghiệp. Sự ra đời của các hợp tác xã đã huy động được sức lao động vào sản xuất, góp phần mở rộng diện tích trồng lúa, hoa màu. Sản lượng lương thực tăng từ 1,2 đến 1,5 lần so với các năm trước. Trong chăn nuôi, địa phương cử cán bộ thú y tham

gia lớp huấn luyện, bồi dưỡng chuyên môn do huyện mở, tổ chức tiêm phòng kết hợp với vệ sinh chuồng trại nên đã hạn chế được tình trạng dịch bệnh lây lan. Hầu hết các hợp tác xã đều có tổ chăn nuôi lợn, trâu, bò để đảm bảo sức kéo cho nông nghiệp và phục vụ các hoạt động chung của hợp tác xã.

Song song với xây dựng hợp tác xã nông nghiệp, đầu năm 1959, nhân dân xã Hồng Phong học tập và xây dựng hợp tác xã tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân. Sau khi được vận động, mỗi xã viên hợp tác xã tín dụng tự nguyện đóng góp quỹ 1 đồng và xã phí 0,2 đồng/năm, sau đó tất cả các xã viên hợp tác xã tín dụng được cấp sổ quỹ. Để phát triển sản xuất quỹ tín dụng tiến hành cho xã viên vay vốn, chú trọng phát triển chăn nuôi và giải quyết việc cá nhân.

Bên cạnh đó, công tác bảo vệ và chăm sóc rừng cũng được Chi bộ xã chú trọng, nhân dân các thôn được học tập chính sách bảo vệ rừng, ai cần gỗ làm nhà phải có giấy phép của cơ quan lâm nghiệp, tẻ nạn phá rừng làm nương rẫy được thu hẹp. Chính quyền xã chỉ đạo các hợp tác xã hướng dẫn xã viên khai thác các sản phẩm tài nguyên rừng như: gỗ, song, mây, tre, củ nâu, sa nhân, hàng năm, cơ quan lâm nghiệp xem xét độ chín quả sa nhân và công bố cho phép nhân dân vào rừng hái quả.

Vừa tập trung phát triển sản xuất, Hồng Phong vừa đẩy mạnh lĩnh vực văn hóa - xã hội. Phong trào Bình dân học vụ đã trở thành phong trào quần chúng rộng rãi, trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên và trong các đơn vị dân quân, du kích. Nhờ sự chỉ đạo sát sao của Chi bộ, tích cực vận động tuyên truyền, lấy lực lượng đoàn viên

thanh niên, phụ nữ làm nòng cốt, xã đã mở được nhiều lớp xóa mù chữ, lớp bổ túc văn hóa cho nhân dân, hàng chục lớp bổ túc văn hóa ban đêm được tổ chức có chất lượng, thầy và trò đều tích cực vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn, chăm chỉ “đọc tốt, học tốt”. Năm 1960, xã có 3 lớp cấp 1 với hơn 60 học sinh, cơ bản thanh toán xong nạn mù chữ.

Về y tế, Ban y tế xã đã có nhiều cố gắng trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. Khẩu hiệu “sạch bản, tốt ruộng” thực sự đã trở thành phong trào quần chúng rộng rãi, cán bộ trong ban tích cực xuống các thôn bản vận động nhân dân thực hiện “ăn chín, uống sôi”, làm nhà xí hợp vệ sinh, làm chuồng trâu ra xa nhà. Các hình thức chữa bệnh bằng cúng bái, mê tín dị đoan giảm dần.

Hoạt động văn hóa, nghệ thuật phát triển, Chi bộ xã chỉ đạo nhân dân xây dựng nếp sống văn minh, học tập Luật Hôn nhân và gia đình để hiểu rõ chế độ một vợ, một chồng, nghĩa vụ và trách nhiệm vợ chồng, con cháu, góp phần xây dựng gia đình hòa thuận tiến bộ. Nhờ đó, việc cưỡng ép trong hôn nhân, nạn tảo hôn, mâu thuẫn gia đình đã giảm nhiều. Công tác thông tin, văn hóa văn nghệ từng bước được nâng lên đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tinh thần của nhân dân.

Tuy hòa bình được lập lại trên miền Bắc nhưng kẻ thù vẫn tìm mọi cách phá hoại, cản trở công cuộc khôi phục kinh tế của nhân dân ta. Đảm bảo công tác an ninh trật tự trên quê hương, xã cử cán bộ tham gia các lớp huấn luyện ngắn hạn do công an huyện tổ chức. Ban Công an xã phối hợp với các tổ chức đoàn thể tuyên truyền nhân dân đấu

tranh chống âm mưu phá hoại của kẻ thù. Năm 1960 là năm đầu thực hiện Luật Nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc, Chi bộ xã đã lãnh đạo thực hiện tốt việc cấp giấy đăng kí nghĩa vụ quân sự và gọi thanh niên nhập ngũ. Lực lượng dân quân xã được củng cố, thường xuyên huấn luyện nâng cao thêm trình độ kỹ thuật chiến thuật, tiến công, phòng ngự, phục kích, tập kích và cơ động, quá trình huấn luyện được tổ chức kiểm tra, báo động, diễn tập các phương án cụ thể, chặt chẽ. Mỗi kì huấn luyện đều được sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, chính quyền và sự phối hợp của các đoàn thể. Kết quả kiểm tra, huấn luyện luôn đạt khá, giỏi.

Công tác xây dựng Đảng có bước chuyển biến sau cuộc chỉnh huấn năm 1959 và các cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp, cải tạo thủ công nghiệp, thương nghiệp. Tư tưởng cầu an, hưởng lạc, xin nghỉ ra làm ăn cá thể của cán bộ, đảng viên đã được hạn chế. Qua các đợt sinh hoạt chính trị, đặc biệt sau đợt vận động “phát triển đảng viên mới 6-1” chào mừng 30 năm ngày thành lập Đảng Lao động Việt Nam, Chi bộ đã bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất chính trị, cho nhiều đoàn viên, thanh niên ưu tú, giới thiệu và kết nạp vào Đảng thêm một số đồng chí mới, hàng ngũ của Đảng liên tục được bổ sung lực lượng. Trong gian đoạn 1957-1960, Chi bộ xã Hồng Phong kết nạp được thêm 3 đồng chí¹, nâng số đảng viên của Chi bộ lên 7 đồng chí.

Cùng với củng cố tổ chức Đảng, việc kiện toàn bộ máy chính quyền cũng được Chi ủy quan tâm chỉ đạo.

1. Gồm đồng chí: Lưu Kế Thắng, Hà Thanh Vũ, Nghiêm Xuân Ngụ.

Quán triệt thực hiện Sắc lệnh số 110-SL/L.12 ngày 31-5-1958 của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, năm 1959, Chi bộ lãnh đạo nhân dân tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 1959-1961. Hội đồng nhân dân được bầu gồm 18 đại biểu, đồng chí Hà Thiêm Mật được bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Phát huy những thắng lợi của công tác vận động quần chúng trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, sau ngày hòa bình lập lại ở miền Bắc, các đoàn thể quần chúng xã Hồng Phong tiếp tục được củng cố tăng cường và phát huy tốt vai trò của mình trong từng nhiệm vụ cách mạng.

Giai đoạn 1958-1960, Mặt trận Tổ quốc luôn là lực lượng đi đầu trong việc vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về xây dựng tổ đổi công, hợp tác xã, tự nguyện đi vào làm ăn tập thể, hăng hái tham gia phong trào Bình dân học vụ. Mặt trận Tổ quốc còn thực hiện hiệu quả việc vận động nhân dân đi bỏ phiếu bầu cử đại biểu. Nông hội, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình trong các cuộc vận động phát triển hợp tác xã, tăng gia sản xuất, xây dựng nếp sống văn hóa... Sự phối hợp, vận hành hiệu quả của Chi bộ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể là một nhân tố quyết định tới thành công trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương.

Trong 3 năm (1958-1960), vượt qua mọi khó khăn, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Hồng Phong đã đạt được nhiều kết quả tích cực về mọi mặt: Mô hình sản xuất hợp

tác xã được mở rộng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện; tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể được củng cố. Những kết quả đó là cơ sở vững chắc để cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Hồng Phong bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất.

3. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

Tháng 9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Hà Nội. Đại hội phân tích tình hình, đề ra nhiệm vụ chung của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới là đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa trên miền Bắc, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Đại hội chỉ rõ hai nhiệm vụ cách mạng chiến lược ấy có quan hệ mật thiết với nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển. Miền Bắc trở thành hậu phương lớn của cuộc chiến tranh cách mạng giải phóng miền Nam.

Từ năm 1961-1965, Chi bộ tiến hành hai kỳ Đại hội nhiệm kỳ 1961-1963 và nhiệm kỳ 1963-1965. Các kỳ Đại hội đã xác định mục tiêu, phương hướng là: tập trung củng cố các hợp tác xã nông nghiệp, phát triển chăn nuôi và lâm nghiệp; đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế; đảm bảo an ninh - quốc phòng; nâng cao đời sống cho nhân dân. Đại hội nhiệm kỳ 1961-1963 bầu đồng chí Lộc Văn Thông là Bí thư Chi bộ, đồng chí Hà Thiêm Mận là Phó Bí thư Chi bộ (Chủ tịch Ủy ban hành chính). Đại hội nhiệm kỳ 1963-1965 bầu đồng chí Lưu Kế Tuyên làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hà Thiêm Mận làm Phó Bí thư Chi bộ, Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III. Bắt tay vào nhiệm vụ thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, tại xã Hồng Phong, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa bước đầu hình thành và phát huy tác dụng trên nhiều mặt; đa số hộ nông dân đã vào hợp tác xã; nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo trong các phong trào. Song cán bộ, đảng viên và nhân dân trên địa bàn cũng gặp không ít khó khăn: cơ sở vật chất kỹ thuật thiếu thốn; trình độ học vấn, kiến thức, năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ chưa cao; sản xuất còn manh mún, phân tán và lệ thuộc vào thiên nhiên; lề lối làm ăn kiêu cũ vẫn phổ biến, một bộ phận xã viên băn khoăn với cách làm ăn tập thể.

Để khắc phục những khó khăn, Chi bộ đề ra nhiều biện pháp thiết thực để thúc đẩy sản xuất. Trong công tác củng cố hợp tác xã, thực hiện chủ trương xây dựng hợp tác xã bậc cao, 3 hợp tác xã Nà Lốc, Nà Thoi và Nà Hin hợp nhất thành Hợp tác xã Quyết Thắng do ông Lộc Văn Thông làm Chủ nhiệm. Tuy nhiên, do địa bàn quá rộng, nhận thức của nhân dân địa phương còn hạn chế, các cán bộ thiếu kinh nghiệm trong quản lý các hợp tác xã lớn nên chỉ sau 1 năm thực hiện hợp nhất, năm 1963, Hợp tác xã Quyết Thắng chia tách thành 3 hợp tác xã: Hợp tác xã Nà Lốc do ông Hà Sỹ Ngu làm Chủ nhiệm, Hợp tác xã Nà Thoi do ông Lộc Văn Thông làm Chủ nhiệm, Hợp tác xã Nà Hin do ông Bàn Đức Dạng làm Chủ nhiệm.

Tháng 2-1963, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng mở cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật và xây dựng cơ sở vật chất trong các hợp tác xã nông nghiệp. Thực hiện chủ trương của Trung ương, Chi ủy và

chính quyền xã chỉ đạo các hợp tác xã tiến hành củng cố. Một số hợp tác xã còn lúng túng trong các khâu xây dựng kế hoạch, tổ chức điều hành, quản lý tài sản. Vì vậy huyện mở nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho các Ban Quản trị hợp tác xã, kết hợp xây dựng phương hướng, kế hoạch sản xuất với phát triển phong trào. Để nâng cao năng lực của Ban Quản trị và đội trưởng sản xuất, từ năm 1963 đến cuối năm 1964, qua hai vòng cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp, cán bộ hợp tác xã được học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý sản xuất, quản lý nhân lực, tài vụ... phong trào hợp tác xã có một bước tiến về tổ chức. Tuy vậy, từ sản xuất cá thể đến làm ăn tập thể là sự thay đổi cả về phương thức sản xuất cũng như về thói quen canh tác của nông dân. Trình độ văn hóa, nhận thức của cán bộ và nhân dân còn thấp nên công tác quản lý, nhất là quản lý nhân lực và tài vụ trong nhiều hợp tác xã còn lúng túng. Phong trào cải tiến kỹ thuật tuy được áp dụng rộng rãi nhưng thiếu đồng bộ và thường xuyên nên năng suất lao động và hiệu quả sản xuất tăng chậm.

Cùng với củng cố quan hệ sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, nhiều phong trào thi đua sản xuất được phát động đã có sức lôi cuốn, thúc đẩy cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Hồng Phong như “Sóng Duyên Hải”, “Gió Đại Phong”, “Đông Xuân đại thắng”, “Cờ Ba Nhất”, “Trống Bắc Lý”, “Đèo Giàng anh dũng”... Hệ thống thủy nông cũng được chú trọng cải tạo củng cố. Cán bộ thủy lợi huyện đã về địa phương, phối hợp cùng với Chi bộ và chính quyền xã tổ chức cho xã viên hoàn thành xây dựng nhiều công trình thủy lợi, bảo đảm đủ nước tưới

cho cây trồng. Cùng với lúa nước, lúa nương, diện tích hoa màu cũng không ngừng tăng lên. Phong trào “đưa cây màu xuống ruộng”, cải tiến kỹ thuật, cấy dày, làm cỏ sục bùn, bón phân cho lúa được áp dụng rộng rãi mang lại nhiều kết quả thiết thực, góp phần giải quyết vấn đề lương thực của địa phương. Kết quả, vụ chiêm năm 1961, xã cấy được 301 bung ruộng, trong đó lúa Nam Ninh cấy được 261 bung. Năm 1964, riêng lúa Nam Ninh cấy được 295 bung, bằng 113% so với năm 1961. Mỗi năm xã đóng góp cho Nhà nước 13-15 tấn lương thực, 2-3 tấn thực phẩm.

Song song với trồng trọt, để đảm bảo sức kéo cho nông nghiệp, cung cấp thực phẩm cho người dân và giải quyết một lượng phân bón cho trồng trọt, Chi bộ và chính quyền xã Hồng Phong đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trâu, bò. Năm 1961, toàn xã có 248 con trâu, bò, đến năm 1962 số lượng giảm xuống do bê, nghé không được chăm sóc tốt. Sang các năm 1963, 1964, nhờ có chế độ công điểm hợp lý, phương thức quản lý được cải tiến (phân tán đàn trâu về từng hộ gia đình)... nên đàn trâu, bò lại phát triển khá hơn. Năm 1964, đàn trâu, bò có 339 con, năm 1965 là 344 con. Chăn nuôi lợn cũng phát triển, chất lượng con giống được nâng cao do đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến rộng rãi kỹ thuật chăn nuôi. Năm 1964, các hợp tác xã đã xây dựng được 2 trại chăn nuôi lợn tập thể tại Nà Thoi, Nà Lốc, mỗi trại có khoảng 15-20 con. Bên cạnh đàn lợn tập thể, trong mỗi gia đình đều nuôi từ 1-2 con lợn để làm nghĩa vụ thực phẩm cho Nhà nước, vì vậy, tổng số đàn lợn năm 1964 có 275 con, năm 1965 có 328 con. Cùng với chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi cá thối cũng được quan tâm

phát triển. Hợp tác xã vận động xã viên tận dụng những khe suối, những vùng đồng trũng, đặc biệt là mặt nước sông Cầu để đào đắp thành ao, hồ chăn nuôi, do đó hàng năm xã thu hoạch được sản lượng cá khá, giúp cải thiện bữa ăn cho bà con nhân dân. Năm 1965, xã có 8 ao với tổng diện tích 1ha tại Hợp tác xã Nà Thoi.

Bên cạnh việc xây dựng các hợp tác xã nông nghiệp trong thời gian này xã còn xây dựng hợp tác xã mua bán nhằm cung cấp các mặt hàng như: vải, muối, dầu, nông cụ và các nhu yếu phẩm khác cho nhân dân. Các hộ xã viên được cấp sổ mua bán hàng. Các hộ nông dân có nghĩa vụ bán lương thực, thực phẩm cho Nhà nước, Nhà nước có trách nhiệm bán lại hàng hóa - thực hiện mua bán hai chiều. Các sổ mua bán này ghi cụ thể chủng loại, số lượng mua và bán để theo dõi mua bán hai chiều. Hợp tác xã mua bán đã thực hiện việc phân phối hàng hóa đến tận tay xã viên - người tiêu dùng với định mức cụ thể là 4 mét vải/người/năm; 1 lít dầu/3 người/tháng. Tuy nhiên, hoạt động của hợp tác xã mua bán còn một số hạn chế, mới dừng lại ở chức năng mua hàng từ cơ quan thương nghiệp về bán lại, do đó cổ phần xã viên không đáng kể.

Song song với nhiệm vụ lãnh đạo nhân dân phát triển kinh tế, Chi bộ Hồng Phong luôn chú trọng lãnh đạo xây dựng phát triển các lĩnh vực giáo dục, văn hóa, y tế giúp nâng cao đời sống tinh thần sức khỏe và sự tiến bộ cho nhân dân.

Về công tác giáo dục, xã lấy nhiệm vụ bổ túc văn hóa làm trọng tâm để nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ và nhân dân. Năm 1960, xã thành lập trường

cấp I tại Khuổi Pjầu. Phong trào thi đua “Hai tốt” được thầy trò các trường hưởng ứng nên chất lượng giáo dục ngày càng cao. Kết quả số lớp, số học viên mỗi năm một tăng, xã Hồng Phong cùng các xã Nông Hạ, Thanh Mai, Huyền Tung là những đơn vị điển hình tiên tiến của tỉnh về phong trào bỏ túc văn hóa¹, năm 1963, xã có 6 lớp bỏ túc cấp I, cấp II với 55 học sinh, năm 1964 có 15 lớp, với 104 học sinh. Năm 1963, xã có 7 lớp học phổ thông với 183 học sinh, đến năm 1964 có 8 lớp với 236 học sinh.

Công tác bảo vệ sức khỏe cho nhân dân giai đoạn này cũng được chú trọng, phong trào vệ sinh phòng bệnh được các cấp ủy Đảng đưa vào chương trình hoạt động thường xuyên, xã tổ chức các buổi nói chuyện về vệ sinh phòng bệnh tại các thôn bản, sửa chữa và đào mới giếng, tổ chức đưa chuồng lợn, chuồng trâu xa nhà. Năm 1960, xã thành lập được một ban chuyên phụ trách việc tuyên truyền chăm sóc sức khỏe cho nhân dân do ông Nguyễn Lưu Biên đứng đầu, cơ sở ban đầu của ban đặt tại thôn Nà Kha. Đặc biệt, đến năm 1961, xã xây dựng được trạm xá, do ông Lưu Đình Thuyền là Trạm trưởng cùng 1 y tá và 1 nữ hộ sinh. Mặc dù cơ sở vật chất còn thiếu thốn, nhưng công tác phòng và điều trị bệnh cho nhân dân trong xã từng bước được cải thiện.

Phong trào rèn luyện sức khỏe, thể dục thể thao, văn nghệ được xây dựng và phát triển rộng rãi. Các đội phim

1. Đảng ủy - Ban Chỉ huy Quân sự huyện Bạch Thông: *Bạch Thông lịch sử kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ (1945-1975)*, tr. 171.

đền chiếu của huyện về các thôn, bản phục vụ nhân dân. Xã có 2 tổ đọc báo, phong trào văn nghệ quần chúng phát triển mạnh. Đội văn nghệ xã đã góp phần tích cực tuyên truyền vận động nhân dân thi đua sản xuất tiết kiệm, xây dựng cuộc sống mới. Cuộc đấu tranh bài trừ các hủ tục, các tệ nạn xã hội được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng và chính quyền nên đã chuyển biến. Xã đã xây dựng được quy ước giảm bớt ma to, cưới lớn. Chi bộ tổ chức đưa những thầy mo, thầy tào, thầy cúng tự nguyện bỏ nghề về các thôn, bản nói chuyện, vận động đồng bào từ bỏ các tục lệ lạc hậu, mê tín.

Công tác đảm bảo an ninh - quốc phòng được coi trọng, xã tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền sâu rộng trong lực lượng vũ trang và nhân dân nêu cao cảnh giác cách mạng, sẵn sàng chiến đấu. Các lực lượng bộ đội, công an, dân quân tự vệ tích cực tuần tra canh gác, giữ gìn trật tự trị an, bảo vệ an toàn kho tàng, tài sản của Nhà nước và nhân dân. Các phương án huấn luyện, vây bắt gián điệp, biệt kích được tổ chức thực hành diễn tập ở một số địa bàn trọng điểm dự kiến địch có thể nhảy dù xuống. Trong thời gian từ giữa tháng 3 năm 1964, hầu hết các cơ quan, đơn vị, trường học, khu đông dân cư đã tập trung đào hầm hào, xây dựng công sự trận địa phòng tránh và sẵn sàng đánh địch. Kết quả, xã xây dựng được 2 tiểu đội và 1 tổ chiến đấu độc lập; 1 tiểu đội trinh sát, 1 tiểu đội liên lạc, 1 tiểu đội cứu hỏa và hóa học. Đồng chí Bí thư Chi bộ là Chính trị viên xã đội, các đồng chí Xã Đội trưởng hoặc Trung đội trưởng dân quân đều là thành viên Ban Quản trị hợp tác xã.

Trong công tác xây dựng Đảng, được sự giúp đỡ của Huyện ủy, Chi bộ được củng cố một cách toàn diện để nâng cao trình độ, khả năng quản lý hợp tác xã. Hưởng ứng cuộc vận động xây dựng chi bộ “Bốn tốt”¹ do Trung ương Đảng phát động nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm cho đảng viên, tất cả các cán bộ đều được tham gia lớp bồi dưỡng về phương pháp lãnh đạo chính quyền và đoàn thể. Trong giai đoạn 1961-1965, Chi bộ đã kết nạp được thêm 7 đảng viên, nâng tổng số đảng viên của Chi bộ lên 14 đồng chí. Tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân tự vệ là 14,5%, đoàn viên là 53,3%.

Cùng với củng cố tổ chức Đảng, bộ máy chính quyền cũng được kiện toàn thường xuyên. Thực hiện Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân các cấp (ban hành ngày 27-10-1962) quy định tất cả các đơn vị hành chính địa phương đều có Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính, Chi bộ xã Hồng Phong đã lãnh đạo thành công bầu cử Hội đồng nhân dân xã theo đúng luật định. Kết quả đã bầu được những đại biểu có đủ tư cách năng lực vào Hội đồng nhân dân xã. Đồng chí Hà Thiêm Mận được bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Mặt trận Tổ quốc xã động viên nhân dân hăng hái tham gia lập thành tích trong sản xuất. Đặc biệt, Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ là hai lực lượng nòng cốt, chiếm ưu thế trong lĩnh vực sản xuất, đăng ký “Xung phong tình nguyện vượt mức khoán 5 năm lần thứ nhất”.

1. Lãnh đạo tốt sản xuất, lãnh đạo tốt việc chấp hành chính sách, lãnh đạo tốt công tác vận động quần chúng, làm tốt công tác củng cố, phát triển Đảng.

Cuối năm 1964, thực hiện Quyết định 150-NV ngày 12-5-1964 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ “Về việc sửa đổi tên một số xã của tỉnh Bắc Kạn”, xã Hồng Phong được đổi tên thành xã Quang Thuận. Cùng với đó, Chi bộ xã Hồng Phong đổi tên thành Chi bộ xã Quang Thuận.

Trong thời gian 5 năm (1961-1965) cán bộ, đảng viên và nhân dân miền Bắc nói chung, xã Hồng Phong (Quang Thuận) nói riêng đang ra sức phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm lần thứ nhất thì đế quốc Mỹ mở rộng phá hoại bằng không quân và hải quân ra miền Bắc. Quán triệt tinh thần Chi thị về công tác phòng không và sẵn sàng chiến đấu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chi bộ xã Hồng Phong (Quang Thuận) nhanh chóng chỉ đạo nhân dân chuyển mọi hoạt động từ thời bình sang thời chiến.

II. VỪA SẢN XUẤT VỪA SẴN SÀNG CHIẾN ĐẤU, TÍCH CỰC CHI VIỆN CHO CHIẾN TRƯỜNG MIỀN NAM, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1965-1975)

1. Góp phần đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, tích cực chi viện cho miền Nam (1965-1968)

Năm 1965, đế quốc Mỹ ồ ạt đổ quân vào miền Nam, đồng thời tăng cường mở rộng cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta chuyển sang một giai đoạn mới, cả nước có chiến tranh. Trước tình hình đó, tháng 3-1965, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 (khóa III) chỉ rõ: “Nhiệm vụ cấp bách của miền Bắc là kịp thời chuyển hướng về tư tưởng và tổ chức, chuyển hướng xây dựng kinh tế từ thời bình sang thời chiến và tăng cường quốc phòng, tích cực chi viện cho miền Nam”.

Trong 4 năm (1965-1968), Chi bộ xã Quang Thuận tiến hành 2 lần Đại hội nhiệm kỳ 1965-1966, 1967-1968. Đại hội đề ra nhiệm vụ quan trọng về kinh tế - xã hội và quốc phòng nhằm củng cố hậu phương vững mạnh về mọi mặt, sẵn sàng chi viện cho tiền tuyến. Các kỳ Đại hội đều nhân mạnh: đặt nhiệm vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu lên hàng đầu. Trong cả hai kỳ Đại hội, đồng chí Lộc Văn Thông được bầu làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hà Thiêm Mận được bầu làm Phó Bí thư Chi bộ (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, Chi bộ xã Quang Thuận đã triển khai nhanh các đợt sinh hoạt chính trị học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương trong toàn Chi bộ và phổ biến sâu rộng trong nhân dân địa phương nhằm triệt để những nhiệm vụ cách mạng mà Đảng ta đã vạch ra, đồng thời quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong bất kỳ tình huống nào.

Để làm tốt công tác phòng không nhân dân, xã Quang Thuận đã huy động toàn bộ nhân dân tham gia hàng trăm ngày công lao động, khai thác hàng nghìn cây tre, gỗ, đào đắp hàng trăm mét khối đất đá xây dựng công sự trận địa đánh trả máy bay địch. Tổ chức học tập, quán triệt đường lối chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân và chủ trương của huyện, tỉnh về sơ tán, phòng tránh để đảm bảo cho sản xuất, chiến đấu, công tác và học tập. Các cơ quan của xã, trường học, trạm y tế được di chuyển đến những nơi an toàn. Đào hầm, hào, trú ẩn cá nhân và gia đình. Ban Chỉ huy Xã đội tổ chức nhân dân đào hầm, hố

cá nhân phòng chống máy bay địch. Xã lập 2 điểm trực chiến: 1 tại đồi Kéo Càn (giáp ranh 2 thôn Nà Vài - Nà Lặng); 1 tại đèo Kéo Piềng thôn Nà Chạp. Lực lượng dân quân xã được trang bị một số súng trường K44. Lực lượng quân sự, dân quân, dân quân xã tham gia xây dựng trận địa dọc tuyến Quốc lộ 3 từ Chợ Mới đến đèo Giàng để đánh trả máy bay địch, thành lập các tổ trực chiến bắn máy bay tầm thấp bằng các loại súng trường, tiểu liên.. Nhân dân tổ chức đào hầm hào tránh máy bay, các tổ tác chiến phòng không được đặt tại đồi khu thác Rọm giáp ranh giữa Nà Vài, Nà Lặng. Khi lao động đồng áng, đi ra đường, mọi người đội mũ nón rơm để tránh máy bay địch phát hiện. Ban đêm không để ánh lửa, ánh đèn lọt ra khỏi nhà. Trong 3 năm (1965-1967), toàn xã đã đào được 35 hầm trú ẩn công cộng, 80 hầm trú ẩn gia đình.

Bạch Thông nằm trong vùng đánh phá của Mỹ, bởi vậy trong suốt cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, huyện đã chịu nhiều đợt ném bom bắn phá của địch. Cuối năm 1967, máy bay Mỹ ném 2 quả bom xuống khu vực Khau Pù (thôn Nà Thoi, Boóc Khún) nhưng không nổ, chính quyền xã Quang Thuận đã khẩn trương báo cáo lên cấp trên để huyện cử người xuống đào, tháo gỡ bom bảo đảm an toàn. Vỏ bom được Hợp tác xã Nà Thoi treo làm kèng phục vụ cho các hoạt động của địa phương. Quân Mỹ còn tăng cường bắn phá các xã xung quanh Quang Thuận như Huyền Tụng, Nông Thượng, Dương Quang khiến một bộ phận nhân dân trong xã lo lắng, không yên tâm sản xuất. Đứng trước tình hình đó, xã cử cán bộ xuống các thôn, bản để ổn định tư tưởng nhân dân,

động viên lực lượng trẻ khỏe bám đồng ruộng sản xuất. Sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu, tăng cường công tác phòng không nhân dân, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do địch gây ra. Lực lượng vũ trang được củng cố, lực lượng công an tăng cường bảo vệ trị an thời chiến, tích cực phát hiện, ngăn ngừa, xử lý những phần tử xấu, có hành vi xâm phạm tới an ninh trật tự trên địa bàn.

Bên cạnh việc tổ chức sẵn sàng chiến đấu, xã còn chỉ đạo Ban Quản trị làm tốt công tác vận động cải tiến quản lý hợp tác xã nông nghiệp với mục tiêu đạt hiệu quả và năng suất cao. Chi bộ xã tiến hành cải tiến quản lý, cử cán bộ đi tập huấn đo đạc ruộng đất để vẽ bản đồ sử dụng quản lý đất đai nhằm nắm vững diện tích chung cả xã và từng thửa ruộng, tiện cho việc khoán sản xuất, tính năng suất, sản lượng chính xác hơn. Trong thời gian hơn 90% số hộ nông dân đã vào hợp tác xã, 90% ruộng đất, trâu bò của nông dân là tài sản của tập thể hợp tác xã. Quyền sở hữu ruộng đất và tư liệu sản xuất thuộc về tập thể. Chế độ phân phối theo lao động giữ vai trò chủ đạo trong các hợp tác xã. Nhìn chung các hợp tác xã qua vận động cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật đều có chuyển biến tốt, ngày càng phát huy vai trò trong thời chiến. Qua việc cải tiến quản lý các hợp tác xã đã tậu được xe trâu để chở sản phẩm đi tiêu thụ và chở thuê.

Thực hiện chủ trương của Trung ương, tỉnh và Nghị quyết của Đảng bộ huyện: “Năng suất cao, hoa màu nhiều, chăn nuôi giỏi, cây công nghiệp tăng, bảo vệ sản xuất tốt, chiến đấu anh dũng và tổ chức tốt đời sống”. Được sự giúp đỡ và hướng dẫn của Phòng Nông nghiệp huyện, các cán

bộ hợp tác xã, đoàn viên thanh niên được tập huấn, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật thâm canh, sử dụng giống mới cho năng suất cao như Mộc Tuyền, Chiêm Xuân 314, lúa mùa Nông Nghiệp 8, thường xuyên cử cán bộ thăm đồng để phát hiện và phòng trừ sâu bệnh, vận động làm bèo hoa dâu, bắt đầu dùng phân hóa học: đạm, kali và thuốc trừ sâu do huyện phân phối. Vì vậy, năng suất, sản lượng tăng hơn trước. Năng suất lúa của xã đạt 47 tạ/ha/năm (năm 1967). Bình quân lương thực đạt 13kg thóc/người/tháng. Mỗi công điền đạt 1,4kg thóc. Hoàn thành đóng thuế nghĩa vụ với Nhà nước đạt 37 tấn thóc/năm.

Trong lâm nghiệp, theo sự chỉ đạo của Huyện ủy, xã tập trung vào công tác bảo vệ rừng, đề ra các biện pháp ngăn chặn việc đốt cỏ gianh và nạn chặt cây, đốt nương làm rẫy. Bên cạnh đó, xã cũng được cơ quan lâm nghiệp huyện cấp giống và hướng dẫn kỹ thuật trồng rừng trúc, chè, bồ đề. Trồng xen sắn vào rừng bồ đề chưa khép tán, kết hợp lấy ngắn nuôi dài, tổ chức trồng khoai lang, dong riềng xen kẽ. Ngoài ra, ở các thôn Khuổi Pjầu, Nà Thoi, Nà Lìu, các hộ còn trồng thêm cây cam, quýt trong vườn để phục vụ nhu cầu trong gia đình.

Trên mặt trận an ninh trật tự, lực lượng an ninh trên địa bàn xã gắn nội dung bảo vệ trị an với bảo vệ sản xuất để vận động quần chúng nhân dân tham gia tích cực vào việc phát hiện, ngăn ngừa những hành động phá hoại của bọn phản cách mạng, bảo vệ vững chắc địa bàn trong suốt quá trình chiến đấu chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Ra sức vận động thanh niên lên đường nhập ngũ chiến đấu. Bên cạnh đó lực lượng vũ trang xã cũng được

củng cố, kiện toàn. Hoạt động của lực lượng vũ trang là sự kết hợp chặt chẽ giữa sản xuất và huấn luyện, không ngừng nâng cao trình độ kỹ thuật, chiến thuật và phục vụ chiến đấu. Được sự giúp đỡ của Huyện ủy, xã chủ động tổ chức huấn luyện đầy đủ nội dung, chương trình quy định của cấp trên, lực lượng vũ trang của xã luôn đạt khá, giỏi.

Đặc biệt, với phương châm “quân không thiếu một người” nhằm đáp ứng yêu cầu chi viện cho chiến trường, các cấp ủy Đảng, chính quyền xã Quang Thuận đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, phát huy sức mạnh tổng hợp của các ban, ngành, đoàn thể quần chúng...tuyên truyền, vận động sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân, phát huy truyền thống quê hương, tích cực động viên thanh niên lên đường nhập ngũ. Làm tốt công tác tuyển quân bằng biện pháp “ba cử, hai nguyện”. Nhờ đó, xã luôn hoàn thành tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Các thanh niên lên đường đánh giặc đều được trao lá cờ truyền thống của quê hương “Phủ Thông anh dũng”, tạo khí thế cho anh em chiến sĩ.

Đầu năm 1966, xã thành lập Ban Thông tin văn hóa, nhằm động viên nhân dân hăng say lao động sản xuất, vận động nhân dân thực hiện ba công trình vệ sinh: giếng nước, nhà tắm, hố xí. Một số gia đình đã đào được giếng nước sạch hoặc chung nhau đào giếng công cộng. Các hộ gia đình đều xây dựng được nhà tắm. Thực hiện chủ trương của Nghị quyết Đảng bộ huyện Bạch Thông khóa 7 (năm 1967) về đẩy mạnh công tác vận động đồng bào vùng rẻo cao chuyển sang định canh định cư. Nhờ chủ trương đúng đắn, lại có quyết tâm cao, đời sống của đồng bào từng bước được cải thiện.

Song song với các hoạt động văn hóa, giáo dục, nhiệm vụ phát triển y tế cũng luôn được quan tâm. Trạm xá xã được củng cố. Đội ngũ cán bộ y tế được bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn, đảm bảo đủ số lượng. Giúp nhân dân làm tốt công tác phòng và chữa bệnh, thường xuyên ăn chín uống sôi, nằm màn chống muỗi, chú trọng dập tắt các ổ dịch sốt rét.

Về công tác xây dựng Đảng, cuộc vận động xây dựng Chi bộ, đảng viên “Bốn tốt” tiếp tục được đẩy mạnh. Quản chúng tham gia phê bình đảng viên và đề xuất các ý kiến đối với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chi bộ. Đảng viên tiến hành tự phê bình và phê bình, nghiêm túc sửa sai, khắc phục những hạn chế. Qua đó, phong trào ở những nơi yếu kém có chuyển biến tích cực.

Cùng với nâng cao chất lượng đảng viên, Chi ủy còn coi chú trọng đến công tác phát triển Đảng. Từ lao động, sản xuất, nhiều đoàn viên, hội viên ưu tú được bồi dưỡng, rèn luyện và kết nạp vào Đảng. Trong 4 năm (1965-1968), Chi bộ xã Quang Thuận đã kết nạp thêm 6 đảng viên, nâng số đảng viên của Chi bộ lên 20 đồng chí.

Bên cạnh đó, việc củng cố bộ máy chính quyền cũng luôn được Chi bộ quan tâm thực hiện. Cuối năm 1967, thực hiện Chỉ thị 143 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp, Chi ủy xã Quang Thuận đã lãnh đạo thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, vận động cử tri tham gia bầu cử đạt kết quả cao. Đồng chí Hà Thiêm Mận được Hội đồng nhân dân khóa mới tin nhiệm bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Mặt trận Tổ quốc vận động các đoàn thể thành viên

và nhân dân hằng hái tham gia các phong trào trong sản xuất, sẵn sàng chiến đấu, công tác và học tập được phát triển rộng khắp. Đặc biệt là các hoạt động của đoàn viên thanh niên trong phong trào thi đua “Ba sẵn sàng”. Đoàn viên thanh niên luôn là lực lượng xung kích đi đầu trong kháng chiến, phục vụ chiến đấu, bảo vệ trật tự trị an, lao động sản xuất, học tập. Phụ nữ với phong trào “Ba đảm đang” phát huy nhiệt tình cách mạng, khắc phục mọi khó khăn, đảm nhận mọi công việc để chồng con yên tâm lên đường chiến đấu.

Càng leo thang chiến tranh, đế quốc Mỹ càng gặp phải thất bại nặng nề, quân và dân ta ở cả 2 miền Nam - Bắc ngày càng giành được nhiều thắng lợi quan trọng. Từ tháng 11-1968, đế quốc Mỹ buộc phải ngừng ném bom miền Bắc, tranh thủ thời gian không có chiến tranh, Chi bộ và nhân dân xã Quang Thuận tập trung phát triển sản xuất, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến miền Nam.

2. Đẩy mạnh sản xuất, tích cực chi viện cho miền Nam đánh giặc Mỹ xâm lược (1969-1972)

Thất bại trong chiến tranh phá hoại miền Bắc, chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mỹ bị phá sản. Tháng 3-1969, Bộ Chính trị ra Nghị quyết chỉ rõ: Nhiệm vụ của miền Bắc là phải tranh thủ thời gian hòa bình, khôi phục và phát triển kinh tế, tăng cường củng cố quốc phòng, làm cho miền Bắc nhanh chóng lớn mạnh, đáp ứng được nhu cầu chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

Đầu năm 1969, Chi bộ xã Quang Thuận tiến hành Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1969-1970. Đại hội đã đánh giá những thành tích đạt được trong nhiệm kỳ 1967-1968 và đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong 3 năm tới: không ngừng củng cố quan hệ sản xuất mới, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, phục vụ sản xuất nông nghiệp, xây dựng hậu phương vững mạnh. Đại hội bầu đồng chí Lộc Văn Thông làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hà Thiêm Mật làm Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Giữa lúc quân và dân Quang Thuận đang tập trung mọi nỗ lực để khắc phục hậu quả chiến tranh, đẩy mạnh phong trào sản xuất thì ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta từ trần, để lại niềm tiếc thương vô hạn. Khắp mọi nơi trên địa bàn của huyện, từ vùng thấp đến vùng cao, vùng sâu, trong các tầng lớp nhân dân, từ cụ già đến em nhỏ đều để tang Bác. Trụ sở hợp tác xã, trường học, trạm xá đều treo Quốc kỳ rủ có dải băng đen và lập bàn thờ Bác với dòng chữ “Đời đời nhớ ơn Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại”.

Ngày 29-9-1969, Bộ Chính trị quyết định mở đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân: Học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tiếp đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra lời kêu gọi cán bộ, đảng viên, đồng bào, chiến sĩ cả nước, Quân ủy Trung ương và Bộ Tổng tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam ra lời kêu gọi các lực lượng vũ trang nhân dân hãy cùng toàn dân đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất đất nước.

Biến đau thương thành hành động cách mạng, Chi bộ đã vận động nhân dân đẩy mạnh các hoạt động trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất là trên mặt trận lao động sản xuất và sẵn sàng chiến đấu. Các phong trào thi đua lập công dâng Bác trong lao động sản xuất và sẵn sàng chiến đấu được các tầng lớp nhân dân và cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang hưởng ứng sôi nổi và mạnh mẽ. Bước sang năm 1970, cùng việc tập trung dồn mọi nỗ lực vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội nhằm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cấp ủy Đảng và chính quyền xã Quang Thuận còn thường xuyên chăm lo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân để sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu phá hoại của đế quốc Mỹ.

Nhằm triển khai thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị, năm 1971, Chi bộ xã Quang Thuận tổ chức Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 1971-1972. Trên cơ sở tổng kết công tác nhiệm kỳ 1969-1970, Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ mới. Đại hội bầu Ban Chấp hành khóa mới, đồng chí Lộc Văn Thông làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Hà Thiêm Mận làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính).

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy Bạch Thông trong sản xuất nông nghiệp, Chi bộ đã lãnh đạo tập trung phát triển “nông nghiệp, lâm nghiệp và chăn nuôi”, vận động các hợp tác xã mạnh dạn đưa các giống lúa mới năng suất cao vào đồng ruộng. Do đó, sản lượng lương thực không ngừng tăng lên, năm 1971, sản lượng lương thực đạt 226 tấn. Nhờ đó đời sống nhân dân dần đi vào ổn định

và hoàn thành tốt nghĩa vụ lương thực đối với Nhà nước.

Cùng với việc đẩy mạnh phong trào thi đua nâng cao sản lượng lương thực, xã còn chú trọng phát triển chăn nuôi. Nhưng do thiếu các biện pháp và chính sách cụ thể, lại gặp những đợt rét đậm, rét hại kéo dài, dịch bệnh phát triển nên đàn gia súc bị giảm nhiều. Đàn trâu năm 1969 có 268 con, đến năm 1973 chỉ còn 236 con.

Song song với nhiệm vụ đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp để giải quyết cơ bản vấn đề lương thực và đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính trong nông nghiệp. Thực hiện nghị quyết của Đảng bộ huyện, Chi bộ xã tập trung chỉ đạo các hợp tác xã đưa nghề rừng thành ngành sản xuất chính. Hợp tác xã tiến hành thành lập các tổ chuyên nghiệp, vừa khai thác vừa tu bổ, cải tạo, thúc đẩy rừng mau tái sinh. Xã cũng vận động bà con vùng cao bỏ tập quán phát rừng làm nương chuyên sang khai thác và trồng rừng có tổ chức, Nhà nước cung cấp lương thực theo tinh thần Nghị quyết 19 của Trung ương Đảng. Ủy ban hành chính xã chỉ đạo các ban, ngành liên quan, tổ chức các buổi hướng dẫn cho bà con xã viên làm nương rẫy theo quy định của ngành lâm nghiệp.

Cùng với việc khôi phục phát triển kinh tế, Chi bộ và chính quyền xã luôn coi trọng sự nghiệp phát triển văn hóa, giáo dục. Xã tổ chức đưa thầy, trò từ nơi sơ tán về địa điểm cũ, đưa hoạt động giảng dạy và học tập sớm đi vào nề nếp. Phong trào thi đua “Hai tốt” trong các nhà trường dần đi vào chiều sâu và đã trở thành mục tiêu phấn đấu của đội ngũ giáo viên và học sinh. Tuy nhiên, các lớp bổ túc văn hóa còn bộc lộ nhiều hạn chế, xã không tổ chức

được nhiều lớp bổ túc văn hóa, ngành học mẫu giáo cũng không được duy trì đúng mức, trường lớp còn tạm bợ, ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng dạy học.

Các hoạt động văn hóa - văn nghệ cũng được đẩy mạnh. Phong trào “Tiếng hát át tiếng bom” phát triển rộng rãi, thu hút đông đảo quần chúng. Tổ văn nghệ, văn hóa thông tin phục vụ kịp thời yêu cầu của công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao đời sống tinh thần cho đồng bào các dân tộc. Quan hệ bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc nhờ đó cũng ngày càng được củng cố. Các hoạt động văn hóa - văn nghệ đã góp phần nâng cao ý chí quyết chiến, quyết thắng tinh thần lạc quan cách mạng, tạo ra sức mạnh to lớn cho quân và dân trong xã thực hiện nhiệm vụ sản xuất, xây dựng và chiến đấu.

Sự nghiệp y tế của xã cũng có sự phát triển, đội ngũ y tế được kiện toàn và bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn. Trạm xá xã được tu bổ thường xuyên. Bên cạnh việc điều trị bằng Tây y, trạm cũng xây dựng các vườn thuốc Nam để phổ biến cho nhân dân chữa bệnh. Ý thức phòng bệnh, dùng thuốc chữa bệnh trong đồng bào các dân tộc ít người được nâng cao. Do đó, một số bệnh như sốt rét, tiêu chảy... nay đã căn bản được thanh toán. Trong các năm 1969-1972, trên địa bàn xã không có dịch bệnh lớn nào xảy ra.

Hưởng ứng cuộc vận động “Toàn Quân khu hướng ra tiền tuyến, sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu giỏi và xây dựng hậu phương vững mạnh” của Quân khu và thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy về công tác quân sự địa phương, trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ tuyển quân chi viện cho

tiền tuyến, Chi bộ đã tổ chức đợt sinh hoạt chính trị, quán triệt nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước. Nêu gương các cán bộ, đảng viên đã cử con em lên đường chiến đấu ở chiến trường miền Nam. Sau đó, Chi bộ tiến hành tuyên truyền, giáo dục quần chúng với nhiều hình thức phong phú: mở hội nghị toàn dân bàn việc đánh Mỹ, cứu nước, hội nghị các đoàn thể quần chúng, đại hội gia đình quân nhân, tổ chức nói chuyện thời sự, chính sách, tổ chức các đoàn văn nghệ xung kích đi biểu diễn, động viên khí thế cách mạng của quần chúng.

Lực lượng vũ trang địa phương thời kỳ này được củng cố kiện toàn theo hướng đẩy mạnh xây dựng lực lượng cơ động. Lực lượng dân quân toàn xã được duy trì. Thất bại quân sự ở miền Nam, Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ 2 ra miền Bắc, Chi bộ xã Quang Thuận nhanh chóng lãnh đạo nhân dân chuyển đổi hoạt động sản xuất từ thời bình sang thời chiến, vận động nhân dân xây dựng hệ thống hầm, hào công sự. Cùng với đó, công tác củng cố lực lượng dân quân tự vệ và tham gia diễn tập quân sự bảo vệ khu vực cũng được Chi bộ quan tâm. Được sự chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, xã Quang Thuận đã tổ chức báo động diễn tập cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong 5 ngày. Theo kết quả kiểm tra, đánh giá của huyện về chiến thuật 100% đạt yêu cầu, trong đó có 80% khá, giỏi; về kỹ thuật 100% đạt yêu cầu, trong đó có 90% khá, giỏi.

Được sự quan tâm chỉ đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền, các cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ thường xuyên được huấn luyện về cách tổ chức trận địa phòng không, lập đài quan sát, kinh nghiệm bắn máy bay thấp cả ban

ngày lẫn ban đêm; một số hiểu biết về cách nhận dạng các loại máy bay địch, các ký, tín, ám hiệu thông tin,... đáp ứng yêu cầu xây dựng thôn, bản chiến đấu, cụm chiến đấu trong tình hình mới. Song song với công tác tổ chức lực lượng chiến đấu, xã đã triệt để thực hiện kế hoạch sơ tán, phòng tránh để bảo đảm tính mạng, tài sản của Nhà nước và nhân dân. Chi bộ đến từng nhà, từng bản để vận động nhân dân đi sơ tán. Bên cạnh đó, xã tổ chức vận chuyển lương thực, thực phẩm thuốc men về nơi sơ tán an toàn. Người ở lại vừa sản xuất, vừa chiến đấu, người đi sơ tán đào thêm hầm, hào, hố cá nhân.

Công tác xây dựng Đảng luôn được Chi bộ chú trọng. Từ tháng 4-1970, thực hiện nghị quyết của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy và Huyện ủy về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh, Chi bộ xã Quang Thuận đã nhanh chóng triển khai thực hiện, đồng thời đề ra nhiều biện pháp sát với tình hình nhiệm vụ của địa phương nhằm đẩy mạnh cuộc vận động “Nâng cao chất lượng đảng viên và xây dựng chi bộ vững mạnh”. Có 100% đảng viên trong xã được học tập, quán triệt đầy đủ các nghị quyết, các đảng viên đều cơ bản đáp ứng, phấn đấu theo 7 yêu cầu của cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, thực hiện tốt tự phê bình và phê bình nhằm nâng cao tính chiến đấu trong sinh hoạt Đảng và xây dựng tinh thần đoàn kết trong Đảng. Chi bộ có nội dung hoạt động cụ thể để xây dựng chi bộ vững mạnh theo tiêu chuẩn nâng cao chất lượng đảng viên. Từ năm 1969-1972, Chi bộ kết nạp thêm 7 đảng viên mới, nâng số đảng viên trong toàn Chi bộ lên 27 đồng chí.

Cùng với củng cố tổ chức Đảng, thực hiện Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chỉ thị của Huyện ủy Bạch Thông về bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp (huyện và xã), tháng 4-1969, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân xã Quang Thuận diễn ra thành công, trên 95% cử tri trong toàn xã đi bầu cử. Trong kỳ họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 1969-1971, đồng chí Hà Thiêm Mật được bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Cũng trong những tháng đầu năm 1970, nhằm rút kinh nghiệm, sửa chữa những hạn chế, thiếu sót trong công tác chấp hành chính sách hậu phương quân đội trong những năm 1965-1969, đồng thời thực hiện cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, cuộc vận động chấp hành chính sách hậu phương quân đội do Tỉnh ủy, Huyện ủy phát động, Chi bộ, chính quyền, đoàn thể và nhân dân Quang Thuận hưởng ứng tích cực. Hợp tác xã nhận đỡ đầu con liệt sĩ, nuôi dưỡng bố mẹ liệt sĩ không nơi nương tựa. Phong trào “Trồng cây lưu niệm” của phụ lão, “Tháng một lần tuần một buổi” của học sinh; “Ba đảm đang” của phụ nữ, “Bốn tốt” của gia đình bộ đội, nhằm mục đích đóng góp vật liệu sửa chữa, làm nhà mới, đóng giường cho gia đình liệt sĩ, thương binh,... đã góp phần giúp đỡ các gia đình chính sách khắc phục khó khăn, ổn định đời sống nhân dân.

Cuối tháng 12-1972, quân và dân ta đã lập chiến công vang dội, đánh bại cuộc tập kích bằng không quân của đế quốc Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng và một số tỉnh lân cận bằng chiến thắng “Điện Biên Phủ trên không”. Buộc đế quốc Mỹ phải tuyên bố xuống thang chiến tranh, chấm

dứt chiến tranh phá hoại, ngồi vào bàn đàm phán. Ngày 27-1-1973, Hiệp định Pa-ri về lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết, đế quốc Mỹ phải rút toàn bộ quân về nước. Cách mạng nước ta bước vào giai đoạn mới: Giai đoạn đánh đổ ngụy quân, ngụy quyền để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

3. Ra sức thi đua sản xuất, chi viện cho tiền tuyến đến ngày thắng lợi (1973-1975)

Sau khi Hiệp định Pa-ri được kí kết, miền Bắc thực hiện khôi phục, phát triển kinh tế. Tuy đã rút quân, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai chưa từ bỏ âm mưu chia cắt đất nước ta. Ngày 28-1-1973, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra lời kêu gọi: Toàn quân, toàn dân tăng cường đoàn kết luôn luôn đề cao cảnh giác, ra sức phấn đấu để củng cố những thắng lợi đã giành được; giữ vững hòa bình lâu dài, hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy Bạch Thông, Chi bộ xã Quang Thuận tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân thực hiện tốt các đợt sinh hoạt chính trị, học tập “Lời kêu gọi ngày 28-01-1973” của Trung ương Đảng, Nghị quyết 21-NQ/TW Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 7-1973) về đường lối hoàn thành sự nghiệp giải phóng miền Nam, Nghị quyết 22-NQ/TW (tháng 12-1973) về kế hoạch khôi phục kinh tế, phát triển kinh tế miền Bắc trong hai năm (1974-1975) và Nghị quyết 33-NQ/TU (năm 1973) của Tỉnh ủy Bắc Kạn về xây dựng và củng cố phong trào hợp tác hóa nông nghiệp. Thông qua các đợt học tập chính trị, đông đảo cán bộ, đảng viên và

nhân dân địa phương nhận thức đúng đắn những thắng lợi to lớn về chính trị - quân sự - ngoại giao mà đất nước vừa giành được cũng như thêm tự hào về những đóng góp quan trọng của nhân dân Quang Thuận vào sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của dân tộc trong giai đoạn 1965-1973. Trên cơ sở đó, toàn Chi bộ và nhân dân trong xã quyết tâm đẩy mạnh khôi phục kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân, ra sức chi viện cho quân dân miền Nam tiến lên “đánh cho Ngụy nhào”, non sông quy về một mối. Chính quyền xã huy động tối đa lực lượng, nòng cốt là đội ngũ dân quân nhằm nhanh chóng san lấp các hầm, hào. Nhờ sự nỗ lực của lực lượng vũ trang và các đoàn thể quần chúng, giao thông được nối lại thông suốt, hoạt động sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân dần trở lại ổn định.

Năm 1973, Chi bộ xã Quang Thuận tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 1973-1975. Đại hội đã tiến hành tổng kết thành tích của Chi bộ và nhân dân xã, động viên toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân xã tích cực đẩy mạnh khôi phục kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, cùng quân dân miền Bắc tích cực chi viện cho sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Đại hội bầu đồng chí Lộc Văn Thông làm Bí thư Chi bộ¹, đồng chí Hà Thiêm Mận làm Phó Bí thư (Chủ tịch Ủy ban hành chính xã).

Thực hiện phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế mà Nghị quyết Đại hội Chi bộ xã đề ra, Ban Chi ủy tập trung lãnh đạo đẩy mạnh phát triển kinh tế và đạt được nhiều kết quả tích cực.

1. Từ năm 1974, đồng chí Hà Sỹ Hùng làm Bí thư Chi bộ.

Trên lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, kế thừa những kinh nghiệm và kết quả đạt được trong những năm trước, dưới sự chỉ đạo của Chi bộ, chính quyền xã đã đề ra nhiều biện pháp nhằm củng cố hợp tác xã, hoàn thiện quan hệ sản xuất theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội, phát triển chuyên canh, thâm canh tăng năng suất, tích cực vận động đồng bào định canh, định cư, khai hoang phục hóa. Công tác thủy lợi được xã quan tâm, tập trung sửa chữa, khôi phục hệ thống kênh mương, phai, đập, bảo đảm nước tưới tiêu cho diện tích đất canh tác, đảm bảo cung cấp đủ phân bón, đưa nhiều các loại cây trồng như đậu, lạc, vừng và các giống lúa mới năng suất cao vào sản xuất. Nhờ vậy, xã luôn hoàn thành nghĩa vụ lương thực với Nhà nước, góp phần chi viện cho tiền tuyến miền Nam đánh thắng kẻ thù.

Thực hiện chủ trương của Chi ủy, xã đẩy mạnh chăn nuôi lên một bước, hợp tác xã và các hộ gia đình đã tăng cường đầu tư cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, công tác thú y, phòng, chống dịch bệnh ngày càng thêm tiến bộ nên trong những năm 1973-1975, ngành chăn nuôi ở địa phương không ngừng tăng trưởng. Năm 1975, đàn trâu tăng 1,8%, bò tăng 4,8%, lợn tăng 4,1%, dê tăng 22,9%.

Về lâm nghiệp, xã tiến hành các biện pháp chăm sóc và bảo vệ rừng, đặc biệt Đoàn Thanh niên xã có phong trào đòi cây, rừng cây đời đời nhớ ơn Bác, hàng chục vườn cây của các cụ phụ lão ở các thôn, bản được chăm sóc, bảo vệ chu đáo. Năm 1974, trong khi toàn tỉnh không đạt kế hoạch do nạn phá rừng, đốt rẫy, làm nương diễn ra ngày càng nghiêm trọng, thì tại xã Quang Thuận, công tác trồng và bảo vệ rừng đạt kết quả khá.

Trong 3 năm (1973-1975), mặc dù trong tình hình có chiến sự, lúc hòa bình song dưới sự lãnh đạo của Chi bộ địa phương, các mặt công tác văn hóa - xã hội, xây dựng và củng cố tổ chức cơ sở Đảng cùng hệ thống chính trị trên địa bàn xã vẫn đạt những kết quả hết sức quan trọng.

Trước hết công tác xây dựng đời sống văn hóa mới có nhiều chuyển biến tốt, hầu hết những hiện tượng mê tín dị đoan, nếp sống không hợp vệ sinh được xóa bỏ, đông đảo nhân dân được nghe đài, đọc báo, thực hiện phong trào vệ sinh phòng bệnh, ăn chín uống sôi, ngủ màn, đào giếng, làm nhà tắm, hố vệ sinh hai ngăn. Phong trào xây dựng con người mới, nếp sống mới căn bản đạt được nhiều kết quả đáng phấn khởi.

Trong công tác giáo dục, các phong trào thi đua “Dạy tốt, học tốt”, “Làm nghìn việc tốt” luôn luôn diễn ra sôi nổi. Thấm nhuần sâu sắc lời căn dặn của Bác Hồ “Vi lợi ích trăm năm phải trồng người”, đội ngũ các thầy giáo, cô giáo luôn nêu cao tinh thần “Hết lòng vì miền Nam thân yêu”, cố gắng tìm mọi biện pháp để giữ vững và nâng cao chất lượng giáo dục. Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Huyện ủy, các phòng học, trường lớp ở địa phương thường xuyên được củng cố, sửa chữa và làm mới, phong trào bổ túc văn hóa tới các tầng lớp cán bộ, công nhân viên chức, nhân dân. Năm 1973, huyện thành lập trường cấp II ở Nà Mày cho hai xã Dương Quang và Quang Thuận (gọi trường cấp II Quang Thuận). Số học sinh năm sau cao hơn năm trước ở tất cả các cấp, phong trào bổ túc văn hóa được đông đảo các tầng lớp cán bộ, công nhân viên chức, nhân dân hưởng ứng.

Cùng với việc đẩy mạnh và nâng cao chất lượng trong sự nghiệp giáo dục, công tác y tế, chăm sóc sức khỏe ban đầu của nhân dân có bước phát triển tốt. Phong trào “Ba dứt điểm” tiếp tục phát triển rộng rãi ở các thôn, bản (giếng nước, nhà tắm, hố xí hai ngăn), phong trào “Sạch làng, tốt ruộng” các chuồng trại chăn nuôi gia đình được đưa ra xa. Trạm xá xã được củng cố, công tác vệ sinh, phòng dịch được chú ý. Nhờ vậy, một số bệnh phổ biến như sốt rét, tiêu chảy, đau mắt hột được ngăn chặn và không có nạn dịch xảy ra trong xã.

Theo tiếng gọi chống Mỹ cứu nước của Đảng, với tinh thần “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, “Tất cả vì miền Nam ruột thịt, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, trong giai đoạn 1973-1975, địa phương luôn hoàn thành chỉ tiêu tuyển quân bổ sung cho các đơn vị bộ đội trực tiếp tham gia chiến đấu trên chiến trường miền Nam. Cấp ủy, chính quyền quan tâm thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội đối với các gia đình quân nhân, đặc biệt là thân nhân liệt sỹ, thương binh với những việc làm cụ thể như: Điều hòa lương thực, tạo điều kiện trong sản xuất và đời sống sinh hoạt, tổ chức thăm hỏi động viên... Việc thực hiện tốt phong trào trên có ý nghĩa chính trị - xã hội sâu rộng: góp phần củng cố hậu phương, tạo nên chỗ dựa vững chắc để những cán bộ, chiến sỹ địa phương đang công tác và chiến đấu ở chiến trường xa được vững lòng; đồng thời là nguồn động viên to lớn để lớp thanh niên Quang Thuận tiếp tục lên đường làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng với Tổ quốc. Năm 1974, kết quả công tác huấn luyện quân sự - giáo dục chính trị đạt:

100% cán bộ, chiến sĩ dân quân xã tham gia học tập, huấn luyện và đạt yêu cầu, trong đó kết quả về học tập chính trị 91,6% đạt khá; về huấn luyện quân sự 95% đạt khá, giỏi. Xã Quang Thuận trở thành điển hình tiên tiến của huyện.

Về công tác xây dựng Đảng, Chi bộ xã Quang Thuận không ngừng được củng cố vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Chi bộ đã tổ chức nhiều đợt học tập quán triệt và triển khai các Nghị quyết, Chỉ thị do Trung ương và Đảng ủy các cấp đề ra. Tiêu biểu như việc học tập và triển khai cuộc động viên chính trị “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, 3 cuộc vận động lớn: “Lao động sản xuất; nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh; phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên ở nông thôn”. Những đợt học tập trên đã nâng cao nhận thức chính trị, lập trường tư tưởng cho cán bộ đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo của Chi bộ; đổi mới nội dung sinh hoạt, hoạt động của tổ chức Đảng phù hợp với tình hình thực tiễn địa phương. Trong giai đoạn 1973-1975, Chi bộ đã kết nạp thêm 6 đảng viên mới.

Trong giai đoạn 1973-1975, công tác kiểm tra trong nội bộ Đảng bộ diễn ra theo từng đợt liên tiếp, kiểm chứng những vấn đề chưa rõ và yêu cầu bổ sung để đảm bảo tính xác thực. Qua kết quả kiểm tra định kỳ hàng năm, cấp ủy đã có biện pháp xử lý kịp thời một số cán bộ, đảng viên mắc khuyết điểm, góp phần quan trọng giữ gìn tính kỷ luật, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của Đảng.

Mặt trận Tổ quốc bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương: Vận động các tầng lớp nhân dân tích cực tham

gia xây dựng Đảng và chính quyền cơ sở; động viên toàn thể nhân dân hăng hái sản xuất và sẵn sàng chiến đấu, góp phần củng cố vững chắc hậu phương miền Bắc, ra sức chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

Đoàn Thanh niên thi đua thực hiện phong trào “Ba sẵn sàng”. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, đoàn viên thanh niên trong xã luôn đi đầu trong thực hiện nghĩa vụ quân sự và lao động sản xuất, đặc biệt trong công tác thủy lợi và ứng dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, góp phần nâng cao sản lượng, năng suất cây trồng ở địa phương.

Hội Phụ nữ xã tích cực vận động thực hiện phong trào “Ba đảm đang” (đảm việc gia đình; đảm đang phục vụ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu). Trong hoàn cảnh nhiều nam giới lên đường nhập ngũ, chị em phụ nữ Quang Thuận đã trở thành lực lượng lao động chính làm ra thóc gạo, đẩy mạnh chăn nuôi gia súc, gia cầm đảm bảo đời sống cho gia đình cũng như đóng góp ngày càng nhiều hơn về lương thực, thực phẩm cho Nhà nước.

Mùa xuân năm 1975, quân ta tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy ở miền Nam với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Vào 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, lá cờ giải phóng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập, báo hiệu sự toàn thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh. Đất nước từ đây thống nhất, non sông thu về một mối. Nhân dân Quang Thuận cùng nhân dân cả nước bước sang một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, thống nhất và quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trải qua 21 năm (1954-1975) nhân dân xã Quang Thuận cùng với nhân dân miền Bắc vừa tiến hành sản

xuất, chi viện cho miền Nam, vừa chiến đấu chống lại chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Trong quãng thời gian gian khổ nhưng hào hùng đó, Chi bộ, chính quyền xã Quang Thuận luôn nêu cao tinh thần nỗ lực, vượt qua khó khăn để lãnh đạo nhân dân xây dựng và bảo vệ quê hương, hoàn thành nghĩa vụ hậu phương với tinh thần “Tất cả vì tiền tuyến, tất cả để thắng giặc Mỹ xâm lược”, góp phần vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Sau ngày 30-4-1975, đất nước thống nhất, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân Quang Thuận cùng nhân dân cả nước bước vào thời kỳ mới: xây dựng và bảo vệ quê hương, tiến lên con đường chủ nghĩa xã hội.

Chương IV

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, VĂN HÓA - XÃ HỘI GÓP PHẦN XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, THỰC HIỆN ĐƯỜNG LỐI ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC (1976-1995)

I. MƯỜI NĂM XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1976-1985)

1. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976-1980)

Đại thắng mùa xuân năm 1975, đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến trường kỳ, gian khổ của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ kính yêu. Từ đây, cả nước thống nhất và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tháng 9-1975, Hội nghị lần thứ 24, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) đã họp và ra Nghị quyết nêu rõ nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới là “Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội”.

Hòa chung không khí của toàn dân tộc, Chi bộ và nhân dân xã Quang Thuận bước vào một giai đoạn mới với những thuận lợi hết sức cơ bản: Đất nước hòa bình,

thống nhất, nhân dân phấn khởi tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Cán bộ, đảng viên được tôi luyện và trưởng thành trong khói lửa chiến tranh. Bên cạnh những thuận lợi đó, Chi bộ và nhân dân xã cũng đứng trước những thách thức to lớn, đội ngũ cán bộ vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới. Sự mất mát, hy sinh về con người trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước đã có tác động sâu sắc đến đời sống xã hội, tình cảm và tư tưởng của nhân dân. Thời tiết diễn biến phức tạp ảnh hưởng tới một phần diện tích trồng trọt, thu hoạch giảm sút, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Thực tế đòi hỏi Chi bộ xã phải tích cực đổi mới, vươn lên để hoàn thành những nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Tháng 10-1975, Đại hội Chi bộ xã Quang Thuận nhiệm kì 1975-1977 được tổ chức. Đại hội đã đánh giá, tổng kết kinh nghiệm 21 năm kháng chiến chống Mỹ cứu nước, khen thưởng, biểu dương cá nhân, tập thể có nhiều thành tích trong lao động sản xuất và chiến đấu. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kì mới: Tập trung vận động tổ chức lại sản xuất, cải tiến công tác quản lý trong hợp tác xã, chấn chỉnh lại hợp tác xã mua bán, đẩy mạnh chăn nuôi và trồng trọt, phát động phong trào thi đua lao động xã hội chủ nghĩa. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể. Đại hội bầu đồng chí Hà Sỹ Hùng làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Duy Hạo làm Phó Bí thư Chi bộ - Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Sau Đại hội, Chi bộ xã tập trung chỉ đạo công tác củng cố hợp tác xã, phát triển sản xuất. Các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng tiến hành kiểm kê tài sản, ruộng đất, ngân quỹ và xây dựng kế hoạch tổ chức sản xuất kinh doanh, bám sát Nghị quyết số 228-NQ/TW ngày 12-1-1974 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về cuộc đấu tranh chống lầy cấp tài sản xã hội chủ nghĩa, chống làm ăn phi pháp, tăng cường quản lý lao động, quản lý thị trường, giữ vững trật tự trị an, phục vụ tốt phong trào lao động sản xuất và tiết kiệm, phục vụ đời sống nhân dân. Chỉ thị số 208-CT/TW ngày 16-9-1974 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và cải tiến một bước quản lý nông nghiệp từ cơ sở theo hướng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa... Nhờ đó, hiệu quả sản xuất được nâng lên, cơ sở vật chất - kĩ thuật cho nền kinh tế không ngừng được tăng cường.

Nông nghiệp được xác định là mặt trận chính trong phát triển kinh tế. Thực hiện Nghị quyết của Chi bộ, hợp tác xã đã cho xã viên khai hoang, phục hóa nhiều diện tích đất chưa sử dụng nhằm mở rộng diện tích gieo trồng, tăng sản lượng lương thực, thực phẩm. Trong công tác thủy lợi, bên cạnh việc cử thanh niên đi tham gia xây dựng kênh mương hồ Núi Cốc - là công trình thủy lợi lớn của tỉnh Bắc Thái, hợp tác xã thường xuyên cho tu sửa mương phai. Để bảo đảm sản lượng lương thực, Chi bộ và chính quyền xã Quang Thuận đã quan tâm chỉ đạo sát sao từ việc gieo trồng đúng thời vụ, lựa chọn giống tốt, đẩy mạnh thâm canh tăng vụ. Tuy nhiên, do thời tiết

thường xuyên diễn biến thất thường, công tác phòng trừ sâu bệnh còn nơi lỏng nên năng suất và sản lượng lúa còn thấp, tình trạng người dân thiếu ăn vụ giáp hạt còn diễn ra phổ biến.

Cây trồng lương thực như lúa, ngô, khoai, sắn... được chú trọng phát triển. Hợp tác xã phát động các hộ xã viên khai phá diện tích đất rừng để phát triển thêm cây lương thực. Năm 1975, diện tích trồng lúa của xã duy trì 101ha: diện tích lúa mùa đạt 58-63ha; diện tích lúa xuân đạt 43-48ha. Năng suất lúa bình quân năm 1975 đạt 4,7 tấn/ha/năm. Diện tích trồng ngô đạt 34,3ha: diện tích ngô xuân đạt 20,1ha; ngô mùa đạt 14,2ha. Năng suất ngô bình quân đạt 1,8 tấn/vụ. Ngoài ra xã còn duy trì khoảng 15-18ha cây lương thực ngắn ngày khác như sắn chiếm 8,2ha; khoai, lạc 3ha; đỗ các loại 4,2ha; rau màu 3,2ha.

Về lâm nghiệp, thực hiện Nghị quyết 21-NQ/HU (1975) của Huyện ủy nhằm sớm đưa nghề rừng trở thành nghề sản xuất chính, Chi bộ lãnh đạo nhân dân trong xã đẩy mạnh trồng rừng, gây rừng, sớm đưa Quang Thuận trở thành một trong những xã có phong trào trồng rừng tốt nhất huyện Bạch Thông¹.

Tháng 4-1976, cuộc bầu cử Quốc hội khóa VI thành công tốt đẹp. Tháng 6-1976, Quốc hội nước Việt Nam thống nhất đã quyết định đổi tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; đổi tên gọi Ủy ban hành chính các cấp thành Ủy ban nhân dân các cấp, theo đó Ủy ban hành chính xã Quang

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bạch Thông: *Lịch sử Đảng bộ huyện Bạch Thông 1975-2005*, tr.13.

Thuận đổi thành Ủy ban nhân dân xã Quang Thuận do đồng chí Nguyễn Duy Hạo làm Chủ tịch Ủy ban.

Tháng 12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng cộng sản Việt Nam đã đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước: “Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kĩ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hóa”.

Phần khởi, tự hào trước thành công của cuộc bầu cử Quốc hội nước Việt Nam thống nhất và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI. Đứng trước những yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới, theo chỉ đạo của cấp trên, Đại hội Chi bộ xã nhiệm kì 1977-1979 được tiến hành. Đại hội bầu đồng chí Hà Sỹ Hùng làm Bí thư Chi bộ, đồng chí Nguyễn Duy Hạo làm Phó Bí thư Chi bộ.

Căn cứ vào Điều lệ Đảng của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IV (1976), xét theo năng lực lãnh đạo, công tác của Chi bộ xã Quang Thuận. Năm 1979, Huyện ủy Bạch Thông quyết định thành lập Đảng bộ xã Quang Thuận gồm 35 đảng viên, sinh hoạt tại 4 chi bộ¹. Đây là một dấu mốc quan trọng, đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của tổ chức Đảng ở Quang Thuận. Đảng bộ ra đời, tổ chức cơ sở Đảng được củng cố và kiện toàn là điều kiện thuận lợi để Quang Thuận hoàn thành các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương.

1. Gồm: Chi bộ Nà Lốc, Chi bộ Nà Thoi, Chi bộ Nà Hin, Chi bộ giáo dục.

Ngay sau đó, Đại hội Đảng bộ xã Quang Thuận nhiệm kỳ 1979-1981 được tiến hành. Đại hội đã thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kì 1977-1979, nghiêm túc đánh giá những việc đã làm được và những yếu kém khuyết điểm còn tồn tại trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng. Đại hội thông qua phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu trong nhiệm kỳ mới: cần tập trung sức phát triển nông nghiệp, giải quyết vững chắc vấn đề lương thực thực phẩm; phát triển văn hóa, xây dựng cơ sở vật chất, đáp ứng yêu cầu đời sống nhân dân. Tăng cường công tác quốc phòng - an ninh, củng cố hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, lãnh đạo nhân dân thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đại hội bầu đồng chí Hứa Đình Nguru làm Bí thư Đảng bộ, đồng chí Lưu Đình Kỳ làm Phó Bí thư, phụ trách công tác chính quyền.

Sau các kỳ Đại hội, bộ máy tổ chức được ổn định, toàn xã đẩy lên phong trào thi đua sôi nổi, tiến quân mạnh mẽ vào mặt trận sản xuất nông nghiệp. Đảng bộ tích cực chỉ đạo mở nhiều chiến dịch làm thủy lợi, xây dựng tu bổ, nạo vét mương phai nội đồng, cải tạo đồng ruộng, đào đắp đường sá. Bên cạnh đó, phong trào thi đua làm phân bón, chăm sóc cây trồng, phòng trừ sâu bệnh luôn được hợp tác xã coi trọng. Đặc biệt, hợp tác xã còn tiến hành mở rộng diện tích trồng trọt và áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật nhằm nâng cao năng suất và sản lượng cây trồng vật nuôi.

Trong thời gian 1979-1980, diễn biến thời tiết phức tạp khiến mùa màng bị thất thu. Kế hoạch gieo trồng chỉ đạt 89%, sản lượng lương thực không đạt, vấn đề lương thực